

Số: *4238* /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *19* tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ học phí học kỳ 1 năm 2026 cho sinh viên thuộc các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa bị ảnh hưởng trực tiếp do mưa lũ gây ra

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-ĐHTCM ngày 07/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-ĐHTCM ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-ĐHTCM ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 4045/GUQ-ĐHTCM ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Tờ trình số 14/TTr-CTSV ngày 28/11/2025 của Phòng Công tác sinh viên về chính sách hỗ trợ dành cho sinh viên thuộc các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp do mưa lũ gây ra;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ học phí học kỳ 1 năm 2026 cho 1.378 sinh viên khóa 22D, 23D, 24D và 25D thuộc các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa bị ảnh hưởng trực tiếp do mưa lũ gây ra với tổng số tiền là: **2.149.035.820đ** (Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi đồng).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả từ Quỹ hỗ trợ sinh viên tại Quyết định số 1996/QĐ-ĐHTCM ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.



Điều 3. Căn cứ danh sách sinh viên và mức hỗ trợ học phí, Phòng Tài chính – Kế toán thực hiện hỗ trợ học phí cho sinh viên theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các khoa/viện: Kế toán – Kiểm toán, Khoa học dữ liệu, Marketing, Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Thương mại và Du lịch, Viện Công nghệ tài chính ngân hàng, Viện Kinh tế chính trị quốc tế; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Tài chính – Kế toán, Quản lý đào tạo, Tổ chức và Pháp chế và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 4;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCKT (02b), CTSV (02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Cao Tấn Huy

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 22D, 23D, 24D VÀ 25D TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH
QUY ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM 2026 DO ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI (CÁC ĐỊA
PHƯƠNG: GIA LAI, ĐẮK LẮK VÀ KHÁNH HÒA)

(Kèm theo Quyết định số 4638/QĐ-ĐHTCM ngày 19/12/2025)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1	2321002137	Nguyễn Đoàn Hoài	Thương	23DTM	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	
2	2321004054	Nguyễn Thị Yến	Nhi	23UTH3	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
3	2521001107	Lê Phan Minh	Tín	25DOS01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
4	2521000302	Đoàn Lê	Ngân	25DEC01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
5	2521000597	Phạm Thị Kim	Thi	25DEM01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
6	2521001206	Cao Võ Bảo	Trân	25DLH01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.358.500	
7	2521000036	Phan Thị Ngọc	Diễm	25DTA01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.000	
8	2521000504	Huỳnh Thảo	Vy	25DTL01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
9	2321001734	Phạm Trần Hoài	Thương	TH_23DMC06	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
10	2321000879	Bùi Công	Liêm	TH_23DQT01	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
11	2421004071	Trần Nguyễn Hoàng	Anh	TH_24DKT04	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
12	2521005906	Lê Phương Quỳnh	Hương	TH_25DFT03	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
13	2521003803	Phạm Gia	Huy	TH_25DKQ03	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
14	2521004645	Ngô Hải	Yến	TH_25DKQ10	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
15	2521002508	Phạm Ánh	Dương	TH_25DMA08	Bình Kiến	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
16	2521004107	Mai Thị Mẫn	Nhi	TH_25DKQ18	Dur Kmal	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
17	2321003145	Nguyễn Thanh	Tú	23DHQ	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.221.300	
18	2321001895	Nguyễn Huỳnh	Thắng	23DKB01	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	696.600	
19	2321003638	Nguyễn Quỳnh	Chi	23DKT	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
20	2321004286	Lê Thanh	Trúc	23DLF01	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.106.400	
21	2321003181	Dương Hoàng	Vũ	23DTX	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
22	2421002215	Nguyễn Hồ Bảo	Quỳnh	24DLĐ01	Đồng Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
23	2421001561	Lê Thị	Nhung	24DNH1	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
24	2421001196	Lê Ngọc Bích	Phượng	24DTM1	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
25	2421002083	Nguyễn Lê Thu	Huyền	24DTH	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.426.400	
26	2421002131	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24DTH	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
27	2521000780	Lê Thị Hồng	Diễm	25DHT02	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
28	2521000033	Nguyễn Hải	Đang	25DTA03	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.000	
29	2321000662	Nguyễn Bảo	Trần	TH_23DQT09	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.420.800	
30	2321003252	Trần Công	Dũng	TH_23DTC06	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.313.200	
31	2421003496	Nguyễn Hoài	Phong	TH_24DLG03	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.047.500	
32	2421003124	Trà Bích	Thảo	TH_24DMA02	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.047.500	
33	2521004654	Trần Xu	Zin	TH_25DKQ09	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
34	2521002846	Lê Thúy	Ngân	TH_25DMA17	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
35	2521005426	Võ Như	Quỳnh	TH_25DTC21	Đông Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
36	2221003009	Bùi Thị Diễm	Hương	22DTC2	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	179.100	
37	2221004331	Huỳnh Minh	Trang	22DTK1	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	358.200	
38	2421000094	Phan Trần Thanh	Ngân	24DTA01	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.500	
39	2321002403	Trần Quốc	Minh	TH_23DLO03	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
40	2321001598	Nguyễn Vũ Khánh	Ngân	TH_23DMA01	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
41	2321000931	Huỳnh Lan	Ngọc	TH_23DQT04	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
42	2421004153	Nguyễn Ngọc Phi	Nguyên	TH_24DKT01	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	2.047.500	
43	2421003804	Lê Tuấn	Minh	TH_24DNH02	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
44	2421003295	Phan Hoài	Dang	TH_24DTM01	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
45	2521003243	Vũ Anh	Thy	TH_25DMA10	Đông Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
46	2221000243	Lê Thị	Mỹ	22DEM02	Đức Bình	Tỉnh Đắk Lắk	626.700	
47	2521002996	Nguyễn Quỳnh	Như	TH_25DMA06	Đa Bá	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
48	2321003667	Bùi Thị Thủy	Linh	23DAC1	Đa Lý	Tỉnh Đắk Lắk	1.119.900	
49	2421000867	Ngô Hoài	Phát	24DQH	Hoà Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
50	2321003138	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	23DTC1	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
51	2421001964	Trần Ngô Khánh	Linh	24DAC	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.524.100	
52	2521000884	Lê Huỳnh Quốc	Tuấn	25DHT02	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
53	2521000889	Nguyễn Phan Thảo	Vân	25DHT02	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
54	2321000808	Lê Kim	Đoàn	TH_23DQT07	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	2.178.900	
55	2421002865	Lê Thị Hồng	Gấm	TH_24DMA01	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
56	2421001347	Đào Hoàng	Điệp	TH_24DTC01	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
57	2521006418	Nguyễn Lê Huyền	Linh	TH_25DAD02	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.669.200	
58	2521004157	Trần Ngọc Quế	Như	TH_25DKQ20	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
59	2521002790	Phan Trần Triệu	Minh	TH_25DMA15	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
60	2521003136	Lương Thị Xuân	Thảo	TH_25DMA17	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
61	2521002240	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	TH_25DQT04	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
62	2521005601	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	TH_25DTC08	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
63	2521004864	Lê Ngọc	Hân	TH_25DTC23	Hòa Hiệp	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
64	2321003788	Đặng Thị Bảo	Xuyến	23DAC1	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
65	2321002118	Nguyễn Thu	Thảo	23DLG1	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
66	2321002711	Thiều Thị Mỹ	Dung	23DTD	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	
67	2321003082	Đoàn Lan	Thương	23DTX	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
68	2421000626	Huỳnh Thị Bích	Thao	24DQT1	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
69	2421002902	Huỳnh Gia	Hung	TH_24DMC01	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	1.781.900	
70	2521001841	Nguyễn Trần Hiếu	Ngân	TH_25DQT17	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
71	2521005510	Lê Thị Thu	Thư	TH_25DTC04	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
72	2521005105	Ngô Quỳnh Thảo	Mỹ	TH_25DTC10	Hòa Mỹ	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
73	2521002045	Nguyễn Thái Như	Quỳnh	TH_25DQT14	Hòa Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
74	2521005331	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	TH_25DTC09	Hòa Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
75	2321003101	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	23DTC1	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
76	2321002073	Nguyễn Yến	Nhi	23DTM	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.185.000	
77	2421001552	Ngô Thị Quỳnh	Như	24DTC1	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.084.800	

Sr	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
78	2421002071	Nguyễn Hữu	Cơ	24DTH	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
79	2321001516	Nguyễn Diệu	Huệ	TH_23DMC05	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
80	2521005603	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Trâm	TH_25DTC04	Hòa Thịnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
81	2321002066	Nguyễn Lê Bảo	Nhật	23DKQ	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	
82	2421000057	Huỳnh Phương	Hào	24DTA02	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.240.000	
83	2521000582	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	25DEM01	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
84	2521007161	Nguyễn Tổ	Quyên	IP_25DTC01	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	2.804.800	
85	2521006450	Nguyễn Thị Mai	Thùy	TH_25DAD01	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.669.200	
86	2521005941	Đặng Thị Bích	Ngân	TH_25DFT02	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
87	2521005720	Trương Thị Thanh	Tuyền	TH_25DTC14	Hòa Xuân	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
88	2221003902	Vũ Hoàng	Tân	22DAC2	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	826.300	
89	2321004209	Trần Thị Hồng	Anh	23DLH01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.106.400	
90	2321003142	Hà Việt	Trung	23DNH2	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
91	2321002959	Nguyễn Yến	Nhi	23DTD	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
92	2321004123	Hoàng Thanh	Tuyền	23DTK	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.119.900	
93	2421001097	Nguyễn Thị Anh	Hiền	24DLG	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.768.000	
94	2421000762	Đỗ Tiến	Đạt	24DMC	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
95	2421000706	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	24DQT1	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
96	2421002123	Nguyễn Anh	Thơ	24DTH	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.464.100	
97	2521000098	Lâm Thị Thùy	Linh	25DTA01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.267.500	
98	2421004252	Trần Thị Thùy	Ngân	IP_24DQT01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	2.504.600	
99	2321003843	Ngô Đình	Khiêm	TH_23DKT03	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.942.100	
100	2321003268	Lê Thị Hương	Giang	TH_23DNH01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
101	2421003347	Lê Quỳnh	Hương	TH_24DKQ01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
102	2421004025	Nguyễn Thị	Uyên	TH_24DNH02	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.922.200	
103	2521005835	Trần Thị Thúy	An	TH_25DFT01	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
104	2521004304	Trần Niệm	Thi	TH_25DKQ02	Krông An	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
105	2521004019	Lê Tịnh	Nghi	TH_25DKQ03	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
106	2521003877	Hà Thị Thùy	Linh	TH_25DKQ05	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
107	2521004248	Hoàng Thị Thanh	Tâm	TH_25DKQ14	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
108	2521004578	Nguyễn Thị Tường	Vi	TH_25DKQ14	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
109	2521003412	Phan Thuý	Vân	TH_25DMA03	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
110	2521002474	Lê Ngọc Uyên	Diễm	TH_25DMA23	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
111	2521005089	Trần Hà Ngọc	Minh	TH_25DTC09	Krông Ana	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
112	2421000355	Ngô Bá	Anh	24DBH1	Krông Bông	Tỉnh Đắk Lắk	1.451.800	
113	2521000315	Bùi Thị Như	Quỳnh	25DEC01	Krông Bông	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
114	2521003602	Nguyễn Xuân An	Bình	TH_25DKQ05	Krông Bông	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
115	2521002756	Phạm Tuệ Lam	Luân	TH_25DMA22	Krông Bông	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
116	2221001974	Tiểu Xuân	Đức	22DKR02	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	805.800	
117	2321000323	Trần Huỳnh Ni	Ka	23DTL01	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
118	2421001103	Phạm Dương	Hương	24DLG	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.315.600	
119	2421000143	Dương Thị Ánh	Tiên	24DTA01	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.425.500	
120	2421001366	Bùi Thị Mỹ	Duyên	24DTC2	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
121	2521007091	Phạm Trần Tú	Anh	IP_25DTC02	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	2.629.500	
122	2521004634	Đỗ Ngọc Như	Ý	TH_25DKQ17	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
123	2521003135	Huỳnh Thị	Thảo	TH_25DMA17	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
124	2521002175	Nguyễn Thùy Cẩm	Tiến	TH_25DQT09	Ô Loan	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
125	2321002046	Đào Thị Thúy	Ngân	23DLG1	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
126	2321001240	Lê Trúc Thảo	Nguyễn	23DMC1	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
127	2321003071	Mai Anh	Thư	23DPP	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
128	2321000170	Võ Đoàn Nguyễn	Thy	23DTA01	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	1.006.600	
129	2421001405	Huỳnh Tấn	Hoan	24DTC2	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
130	2521000239	Phạm Nguyễn Tú	Uyên	25DTA01	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	1.267.500	
131	2421004361	Nguyễn Nhật	Tiến	IP_24DKQ01	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	2.504.600	
132	2321002739	Phan Hoàng Tiến	Đạt	TN_23DTC01	Phù Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	1.420.800	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
133	2321003813	Nguyễn Lê Gia	Bình	TH_23DKT02	Phú Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	2.488.300	
134	2521002913	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	TH_25DMA14	Phú Hòa 1	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
135	2421000132	Huỳnh Kim	Thoa	24DTA01	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.373.625	
136	2421001466	Nguyễn Duy	Linh	24DTC2	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
137	2421001614	Trần Hà Phương	Thanh	24DTC2	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
138	2421002091	Lê Tổ	Lâm	24DTH	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.768.000	
139	2421003547	Trần Thị Phương	Thảo	TH_24DTM04	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
140	2521002432	Nguyễn Thị Bích	Cầm	TH_25DMA07	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
141	2521004760	Nguyễn Lê Bảo	Châu	TH_25DTC05	Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
142	2421002870	Huỳnh Thị Thu	Hà	TH_24DMA02	Phú Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
143	2321004270	Trần Thị Phương	Thảo	23DLH01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.106.400	
144	2321000321	Nguyễn Huy	Hoàng	23DTLC2	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
145	2321004006	Nguyễn Thị Hương	Lan	23DTH1	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
146	2421002006	Lê Nguyễn	Quỳnh	24DAC	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
147	2421001872	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	24DPT01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
148	2421001910	Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	24DPT01	phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
149	2421001181	Lê Thị Quỳnh	Như	24DLG	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
150	2421001419	Huỳnh Đức	Huy	24DTC1	phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.281.000	
151	2421001723	Trần Minh	Tuyền	24DTC1	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
152	2521000587	Lưu Diễm	Phúc	25DEM01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
153	2521000846	Trịnh Hàn	Ny	25DHT01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
154	2321002275	Tôn Võ Khánh	Duyên	TH_23DLG01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
155	2321002449	Lưu Thị Xuân	Nguyễn	TH_23DTM05	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
156	2421003949	Nguyễn Đặng Hạ	Thi	TH_24DNH01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	2.325.100	
157	2421003342	Nguyễn Thị Bách	Hợp	TH_24DTM01	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.922.200	
158	2521005905	Lê Nguyễn Việt	Hương	TH_25DFT02	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
159	2521004513	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	TH_25DKQ07	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2020) (đ)	Ghi chú
160	2521006388	Lương Quỳnh Như	Ý	TH_25DKT02	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
161	2521006364	Hoàng Quốc Nam	Uyên	TH_25DKT06	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
162	2521002366	Lương Công	Anh	TH_25DMA06	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
163	2521002496	Nguyễn Thủy	Dung	TH_25DMA09	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
164	2521005212	Đào Khánh Lan	Nguyễn	TH_25DTC06	Phú Yên	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
165	2321001263	Phạm Nguyễn Lâm	Như	23DMC2	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	696.600	
166	2421001869	Trần Ngọc Minh	Quyên	24DFT01	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
167	2421001184	Nguyễn Thị Thanh	Như	24DTM2	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
168	2521006580	Nguyễn Vũ Anh	Thư	IP_25DQT01	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	2.804.800	
169	2521005634	Trương Ngọc Khánh	Trần	TN_25DTC01	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
170	2321001772	Phạm Thị Thanh	Trúc	TH_23DMC05	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
171	2421003137	Ngô Quỳnh	Thư	TH_24DMA02	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	2.181.800	
172	2421003475	Nguyễn Vũ Ý	Nhi	TH_24DTM02	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
173	2521004536	Trần Huỳnh Phương	Tường	TH_25DKQ04	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
174	2521004866	Nguyễn Bảo Gia	Hân	TH_25DTC08	Sông Cầu	Tỉnh Đắk Lắk	2.148.800	
175	2321002947	Đào Lưu Yến	Nhi	23DNH1	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
176	2321002790	Lê Thị Ánh	Hồng	23DTC2	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
177	2521001004	Hồ Thanh	Trà	25DEL001	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
178	2321002347	Võ Nguyễn Gia	Khánh	TH_23DTM04	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
179	2521002999	Nguyễn Ý	Như	TH_25DMA05	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
180	2521003218	Võ Thị Thanh	Thúy	TH_25DMA11	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
181	2521005324	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TH_25DTC11	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
182	2521005471	Trần Thanh	Thảo	TH_25DTC14	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
183	2521005708	Lưu Minh	Tuấn	TH_25DTC22	Sông Hình	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
184	2321002830	Nguyễn Minh	Khôi	23DTC	Sen Hoà	Tỉnh Đắk Lắk	1.083.600	
185	2421002684	Nguyễn Thị Thiện	Nhân	TH_24DQT04	Sen Hoà	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
186	2221000735	Lại Huỳnh Lan	Tiên	22DQT3	Sen Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	268.500	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
187	2321001322	Nguyễn Lê Cát	Tiến	23DMC1	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
188	2521001018	Phan Huỳnh Ngọc	Tú	25DLĐ01	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.163.500	
189	2521006421	Nguyễn Võ Ánh	Linh	TH_25DAD01	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.669.200	
190	2521003899	Trần Thị Thảo	Linh	TH_25DKQ20	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
191	2521006258	Phan Xuân	Phong	TH_25DKT01	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
192	2521003479	Trần Mai	Xuân	TH_25DMA02	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
193	2521003170	Bạch Bùi Minh	Thư	TH_25DMA03	Sơn Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
194	2321000253	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23DEM02	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
195	2321003032	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	23DHQ	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
196	2321002154	Trương Lê Thanh	Trúc	23DKQ	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	1.185.000	
197	2321001958	Nguyễn Vũ Kiều	Ái	23DLG1	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
198	2321001299	Ngô Diễm Hoàng	Thi	23DQH	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
199	2321000604	Dương Thị Thu	Sương	23DQT1	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	696.600	
200	2521000547	Đào Nữ Ngọc	Hiền	25DEM01	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
201	2521000491	Nguyễn Thị Phượng	Trang	25DIL01	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
202	2521003182	Hoàng Thị Anh	Thư	TH_25DMA09	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
203	2521004929	Nguyễn Quỳnh	Hương	TH_25DTC13	Sơn Thành	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
204	2421003810	Đặng Nguyễn Nhật	My	TN_24DTC01	Suối Trại	Tỉnh Đắk Lắk	1.922.200	
205	2421001520	Lê Trương Hạnh	Nguyên	24DNH1	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
206	2321004199	Trần Phạm Ngọc	Tuyết	23DLĐ01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
207	2321001328	Lê Thị Ngọc	Trâm	23DMC1	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	965.100	
208	2321002748	Bùi Nguyễn Phượng	Giang	23DNH2	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
209	2321003056	Huỳnh Thị Bích	Thoa	23DTC3	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	
210	2421000785	Nguyễn Đức	Hiền	24DMC	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
211	2521001155	Trần Ngọc Khánh	Ly	25DLH01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.254.000	
212	2521001188	Huỳnh Phan Trúc	Quỳnh	25DLH01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.254.000	
213	2521001370	Lê Thị Diệu	Linh	25DQN01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.254.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
214	2521000007	Lê Nguyễn Tâm	Anh	25DTA02	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.000	
215	2321003503	Huỳnh Mai	Thy	TH_23DNH01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
216	2421004202	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	TH_24DKT01	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
217	2521004435	Nguyễn Thu	Trâm	TH_25DKQ13	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
218	2521003157	Tạ Mai	Thị	TH_25DMA04	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
219	2521002353	Nguyễn Thị Mỹ	Án	TH_25DMA14	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
220	2521005663	Trần Thị Vân	Trang	TH_25DTC06	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.154.800	
221	2521004830	Nguyễn Thị Bích	Duyên	TH_25DTC19	Tây Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
222	2321000269	Lê Thị Hồng	Phấn	23DEM01	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
223	2321004293	Trần Hà	Vy	23DLH01	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.106.400	
224	2321000182	Đỗ Hoàng Đức	Trí	23DTA03	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.378.800	
225	2421001761	Lê Tuấn	Vỹ	24DFQ	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
226	2421002420	Huỳnh Lan	Anh	24DQN01	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.535.300	
227	2221001841	Phạm Trần	Tiến	CLC_22DMA02	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	654.000	
228	2421003234	Nguyễn Võ Thảo	Vy	TH_24DMC03	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.772.900	
229	2521002005	Đỗ Hoài	Phương	TH_25DQT16	Tây Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
230	2221000227	Lê Nguyễn Trung	Hiếu	22DEM01	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	529.000	
231	2321000536	Trần Lê Như	Ngọc	23DDA	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	696.600	
232	2321003761	Nguyễn Thị Bảo	Tiên	23DKT	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
233	2421002017	Lê Thị Ánh	Thảo	24DKT	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
234	2421001395	Nguyễn Thị Kim	Hiền	24DTC1	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	1.024.800	
235	2421004232	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	IP_24DQT01	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	2.504.600	
236	2521004261	Nguyễn Hồng	Thắm	TH_25DKQ08	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
237	2521003367	Nguyễn Cẩm	Tú	TH_25DMA19	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
238	2521001717	Nguyễn Thúy	Kiều	TH_25DQT15	Tuy An Bắc	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
239	2321003705	Nguyễn Phi	Nhật	23DAC1	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
240	2321004004	Võ Thanh Diễm	Kiều	23DTK	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
241	2321002096	Nguyễn Đình	Quý	23DTM	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
242	2421002047	Đặng Nguyễn Khả	Tú	24DKT	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
243	2421000835	Mai Thị Kim	Ngân	24DQH	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
244	2421000378	Mang Ngân	Châu	24DQT1	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
245	2521001040	Triệu Hoàng Lan	Anh	25DDS01	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
246	2321001718	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	TH_23DMC02	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	2.313.200	
247	2521006415	Võ Anh	Khoa	TH_25DAD01	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.669.200	
248	2521004058	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	TH_25DKQ20	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
249	2521004385	Nguyễn Thanh	Thủy	TH_25DKQ21	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
250	2521002600	Lê Thị Kim	Hiền	TH_25DMA16	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
251	2521002162	Phạm Thị Hồng	Thúy	TH_25DQT08	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
252	2521005057	Lê Quốc	Long	TH_25DTC18	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
253	2521005752	Lê Nguyễn Trúc	Vị	TH_25DTC19	Tuy An Đông	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
254	2321002009	Nguyễn Sài Gòn Thái	Học	23DLG2	Tuy An Nam	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
255	2421000862	Kiều Ngọc	Như	24DQH	Tuy An Nam	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
256	2521007152	Huỳnh Long	Phú	IP_25DTC02	Tuy An Nam	Tỉnh Đắk Lắk	2.629.500	
257	2521004443	Châu Hồ Bảo	Trần	TH_25DKQ15	Tuy An Nam	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
258	2321003745	Dương Nguyễn	Thảo	23DKT	Tuy An Tây	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
259	2221004712	Lê Hoàng Hà	Phương	22DKS03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.332.375	
260	2221004424	Lê Ngọc Trâm	Anh	22DLH01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	313.500	
261	2321002112	Nguyễn Thị Mỹ	Tem	23DKQ	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.197.300	
262	2321000052	Lê Thị Bích	Hợp	23DTA01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.006.600	
263	2321000147	Đào Nhật	Thành	23DTA03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.328.600	
264	2321003041	Lê Thị Thu	Thảo	23DTC1	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
265	2321003962	Huỳnh Lý Minh	Châu	23DTK	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	851.400	
266	2421001970	Bùi Gia	Mi	24DAC	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.401.000	
267	2421002001	Lê Cách Hoài	Phương	24DAC	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
268	2421001835	Nguyễn Ái	My	24DFT01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
269	2421002224	Lê Uyên	Thu	24DLĐ01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
270	2421000769	Lê Thị Thùy	Duyên	24DMC	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
271	2421000100	Nguyễn Ánh	Nguyệt	24DTA02	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.500	
272	2421001690	Lê Nguyễn Thủy	Trang	24DTC1	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
273	2421001063	Lê Đặng Minh	Châu	24DTM1	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
274	2421002104	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	24DTH	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
275	2521000554	Lương Thục Tâm	Khuê	25DEM01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.074.000	
276	2321000741	Nguyễn Việt	Tài	IP_23DQT01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.515.500	
277	2521007108	Lê Quách Gia	Hân	IP_25DTC01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.804.800	
278	2321003886	Huỳnh Lê Thảo	Quyên	TH_23DCT02	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.951.100	
279	2321002514	Nguyễn Nhật	Quỳnh	TH_23DLG01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
280	2321002349	Trần Đăng	Khoa	TH_23DLG03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
281	2321003438	Phạm Xuân	Phương	TH_23DNI03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
282	2321000842	Trần Đặng Huy	Hoàng	TH_23DQT01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.587.800	
283	2321003452	Nguyễn Lê Bảo	Quỳnh	TH_23DTC04	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.776.000	
284	2421002556	Đoàn Ngọc	Chính	TH_24DBH01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.047.500	
285	2421003105	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	TH_24DMC02	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.647.600	
286	2421003151	Trần Huỳnh Gia	Thuận	TH_24DMC05	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.772.900	
287	2421003911	Phạm Đoàn Khánh	Quyên	TH_24DNI01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.325.100	
288	2421003376	Hồ Trúc	Lâm	TH_24DTM03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
289	2421003587	Phan Nguyễn Thủy	Trâm	TH_24DTM03	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.056.500	
290	2521005856	Đặng Phương	Bình	TH_25DFT02	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.669.200	
291	2521004562	Nguyễn Nhật	Uyên	TH_25DFT02	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
292	2521005851	Mai Khánh	Băng	TH_25DFT04	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.540.800	
293	2521004517	Tô Trương Thanh	Trúc	TH_25DKQ14	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
294	2521003764	Đỗ Lê	Hoàng	TH_25DKQ16	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
295	2521004122	Nguyễn Trần Hoàng	Nhi	TH_25DKQ17	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
296	2521004465	Dương Ngọc	Trang	TH_25DKQ19	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
297	2521006095	Nguyễn Thanh	Dân	TH_25DKT01	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
298	2521002707	Huỳnh Nguyễn Đan	Lê	TH_25DMA04	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
299	2521002531	Nguyễn Hoài Nguyễn	Giang	TH_25DMA14	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
300	2521002167	Nguyễn Ngọc	Thủy	TH_25DQT05	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
301	2521001522	Trương Thị Minh	Châu	TH_25DQT13	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
302	2521002216	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	TH_25DQT13	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.611.600	
303	2521005508	Lê Anh	Thư	TH_25DTC08	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
304	2521005407	Trịnh Thị Đoàn	Quyên	TH_25DTC15	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
305	2521000153	Dương Thúy	Nhi	25DTA01	Xuân Cảnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.183.000	
306	2521006129	Tô Minh	Hân	TH_25DKT02	Xuân Cảnh	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
307	2421000782	Lý Diệu	Hằng	24DQH	Xuân Đài	Tỉnh Đắk Lắk	1.195.600	
308	2421002566	Lê Quang	Đuẩn	TH_24DQT02	Xuân Đài	Tỉnh Đắk Lắk	2.038.500	
309	2521006357	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	TH_25DKT03	Xuân Đài	Tỉnh Đắk Lắk	1.745.900	
310	2321002028	Ngô Phương	Lam	23DLG2	Xuân Lãnh	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
311	2321001363	Nguyễn Tường	Vy	23DMA	Xuân Lộc	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
312	2421003301	Nguyễn Thị Minh	Diệu	TH_24DTM03	Xuân Lộc	Tỉnh Đắk Lắk	2.465.400	
313	2221000067	K. Ái	Kha	22DLH02	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	1.890.150	
314	2321003592	Huỳnh Bảo	Khuyến	23DPT01	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	1.393.200	
315	2321003079	Tô Anh	Thư	23DNH2	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
316	2321003020	Trần Dương Bảo	Quỳnh	23DTC1	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	928.800	
317	2321003970	Huỳnh Nguyễn Công	Du	23DTK	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	1.037.700	
318	2421002219	Huỳnh Mạnh Như	Thắm	24DLD01	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	1.255.600	
319	2521007107	Trần Hồ Cẩm	Giang	IP_25DTC02	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	2.629.500	
320	2521003075	Nguyễn Thị Kim	Quyên	TH_25DMA02	Xuân Phước	Tỉnh Đắk Lắk	2.014.500	
321	2521003001	Trần Thị Quỳnh	Như	TH_25DMA05	Yang Mao	Tỉnh Đắk Lắk	1.880.200	
322	2321000313	Hoàng Trần Hồng	Đức	23DTL01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	928.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
323	2421000224	Lê Thị Bích	Ngân	24DEM01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
324	2421002398	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24DKS01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.535.300	
325	2421001947	Nguyễn Gia	Hưng	24DKT	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
326	2421001258	Lê Văn	Trí	24DLG	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.712.100	
327	2421000697	Nguyễn Phạm	Tuân	24DQT2	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
328	2221001102	Kiều Nguyễn Hoài	Thương	CLC_22DQT08	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.986.925	
329	2421004282	Nguyễn Phan Thành	Đạt	IP_24DMA01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	2.324.600	
330	2521006784	Trần Trang	Thu	IP_25DMA02	An Bình	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
331	2321002587	Đỗ Ngọc Bảo	Trâm	TH_23DLG01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
332	2321001433	Ngô Trương Quốc	Bảo	TH_23DMA02	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
333	2321002545	Võ Duy	Thắng	TH_23DTM02	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.910.300	
334	2321000663	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	TH_23DTM06	An Bình	Tỉnh Gia Lai	2.044.600	
335	2421002553	Trần Minh	Châu	TH_24DQT03	An Bình	Tỉnh Gia Lai	2.050.600	
336	2521005855	Phùng Gia	Bảo	TH_25DFT01	An Bình	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
337	2321002950	Lê Trần Yến	Nhi	TN_23DTC01	An Hòa	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	
338	2321001892	Bùi Thị Phương	Thảo	23DKB02	An Khê	Tỉnh Gia Lai	696.600	
339	2321004151	Ngô Minh	Anh	23DLĐ01	An Khê	Tỉnh Gia Lai	928.800	
340	2321002914	Nguyễn Thủy	Ngân	23DPF	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.161.000	
341	2321004130	Nguyễn Lê Hương	Uyển	23DTH2	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
342	2421000669	Nguyễn Trần Đình	Tiến	24DBH2	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
343	2421000062	Nguyễn Thị Ái	Hiền	24DTA02	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.183.500	
344	2321002854	Huỳnh Ánh	Linh	TN_23DTC01	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	
345	2321003905	Phạm Mai	Thị	TH_23DKT01	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.673.500	
346	2321002331	Trần Lê	Huy	TH_23DLG02	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
347	2321002235	Nguyễn Vương Châu	Anh	TH_23DTM01	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
348	2321002539	Phạm Huỳnh Ngọc	Thảo	TH_23DTM02	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
349	2321003614	Lê Đỗ Anh	Thư	TH_23DTM06	An Khê	Tỉnh Gia Lai	2.078.175	
350	2521004091	Cổng Thanh	Nhi	TH_25DKQ04	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
351	2521003657	Lê Anh Trí	Dũng	TH_25DKQ12	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
352	2521003617	Hồ Lâm Bảo	Chiêu	TH_25DKQ13	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
353	2521002067	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	TH_25DQT13	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
354	2521001922	Đỗ Quỳnh	Nhi	TH_25DQT17	An Khê	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
355	2421001124	Trần Nguyễn Mai	Linh	24DLG	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.170.200	
356	2421001416	Trần Thị Thu	Hường	24DTC1	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
357	2421001640	Huỳnh Anh	Thư	24DTC2	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
358	2421001074	Ngô Thị Kiều	Diễm	24DTM2	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
359	2521000751	Huỳnh Thị Diệu	Trang	25DKB01	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
360	2321002182	Nguyễn Lý Bích	Hậu	IP_23DKQ01	An Lương	Tỉnh Gia Lai	2.515.500	
361	2421002601	Ngô Thị Mỹ	Hồng	TH_24DQT05	An Lương	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
362	2521003638	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	TH_25DKQ15	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
363	2521005526	Phạm Hồng	Thư	TH_25DTC18	An Lương	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
364	2321003080	Võ Trương Minh	Thư	23DNH2	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.215.700	
365	2321002943	Phạm Thành	Nhất	23DTC1	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
366	2321002690	Hồ Thị Minh	Châu	23DTC1	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
367	2321003046	Nguyễn Thanh	Thảo	23DTD	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
368	2421002214	Nguyễn Bùi Sĩ	Quý	24DLĐ01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
369	2521000600	Lâm Nguyễn Anh	Thư	25DEM01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
370	2521000612	Lương Nguyễn Huyền	Trang	25DEM01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
371	2521000865	Nguyễn Thị Ánh	Thư	25DHT02	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
372	2521001230	Nguyễn Hoàng	Đức	25DKS01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.254.000	
373	2521000090	Lê Văn	Kiều	25DTA02	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.193.000	
374	2521007040	Trần Nguyễn Bích	Thùy	IP_25DKQ04	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.629.500	
375	2521007137	Dương Trần Thu	Ngân	IP_25DTC01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
376	2421001678	Trương Thị Mỹ	Trà	TN_24DTC01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
377	2321003352	Huỳnh Thị Bích	Loan	TH_23DNH01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.265.500	
378	2321002529	Lương Bảo	Thanh	TH_23DTM03	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	
379	2321002608	Phạm Thanh	Trúc	TH_23DTM04	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
380	2421004063	Nguyễn Thụy Việt	An	TH_24DKT02	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
381	2421003558	Mai Anh	Thư	TH_24DTM03	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
382	2521003648	Lê Thành	Đồng	TH_25DKQ01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
383	2521004473	Nguyễn Phạm Phương	Trang	TH_25DKQ01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
384	2521004551	Đặng Nguyễn Chu	Uyên	TH_25DKQ12	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
385	2521003448	Nguyễn Dương Tuông	Vy	TH_25DMA01	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
386	2521002993	Lâm Ý	Như	TH_25DMA09	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
387	2521002415	Nguyễn Băng	Băng	TH_25DMA12	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
388	2521002243	Phan Thái Thành	Trung	TH_25DQT14	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
389	2521005179	Nguyễn Đặng Hoài	Ngọc	TH_25DTC03	An Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
390	2421000498	Đỗ Thị Thùy	Linh	24DBH2	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
391	2421000231	Huỳnh Tuyết	Như	24DEM01	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
392	2221000981	Chu Thị	Mỹ	CLC_22DQT03	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.823.700	
393	2321003427	Phan Thị Mỹ	Nương	TH_23DNH01	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
394	2421003965	Nguyễn Lê Anh	Thư	TH_24DTC05	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
395	2421003280	Võ Hoàng Kim	Ánh	TH_24DTM01	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
396	2521004100	Lâm Phạm Yến	Nhi	TH_25DKQ18	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
397	2521006386	Dương Thị Như	Ý	TH_25DKT05	An Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
398	2321000700	Nguyễn Thị Xuân	Xinh	23DBH2	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
399	2321001226	Phạm Thị Diễm	My	23DMC1	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
400	2321002718	Hồ Quang	Duy	23DPF	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.233.600	
401	2421000975	Lê Tấn	Đặng	24DKB01	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.464.100	
402	2421002189	Đỗ Nguyễn Bảo	Ngân	24DLD01	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
403	2421000565	Đào Quỳnh	Như	24DQT2	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
404	2421004240	Trần Ánh	Giang	IP_24DQT01	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	3.381.100	

Sit	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
405	2521003723	Nguyễn Thị Thanh	Hân	TH_25DKQ19	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
406	2521002945	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	TH_25DMA03	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
407	2521005765	Hồ Nguyễn Tường	Vy	TH_25DTC07	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
408	2521004846	Phan Ngọc	Giàu	TH_25DTC09	An Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
409	2221004285	Lý Thị Mỹ	Tâm	22DT12	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	895.200	
410	2321000225	Trần Hoàng Anh	Đạt	23DEM01	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	928.800	
411	2321002147	Hà Bảo	Trâm	23DKQ	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
412	2321003988	Lê Nguyễn Khánh	Hoà	23DT11	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	928.800	
413	2321004082	Lưu Quốc	Thắng	23DT13	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	928.800	
414	2421000735	Trương Như	Ý	24DBH2	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
415	2421000892	Tạ Hữu	Thắng	24DMC	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
416	2521000265	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	25DEC01	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
417	2421003225	Nguyễn Khắc Toàn	Võ	TH_24DMC02	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.772.900	
418	2421003581	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trâm	TH_24DTM03	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
419	2521004518	Trần Thanh	Trúc	TH_25DKQ03	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
420	2521003806	Hà Ngọc	Huyền	TH_25DKQ06	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
421	2521004512	Nguyễn Thanh	Trúc	TH_25DKQ06	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
422	2521006118	Nguyễn Phạm Phương	Hà	TH_25DKT02	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
423	2521002447	Hồ Như Huyền	Chi	TH_25DMA05	An Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
424	2421000474	Lê Quang	Khải	24DBH2	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
425	2421000621	Cao Toàn	Thắng	24DBH2	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
426	2421001852	Nguyễn Hoàng	Nhật	24DFT02	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.110.200	
427	2421000744	Nguyễn Duy	An	24DMC	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
428	2421001575	Huỳnh Thiện	Phát	24DNH2	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
429	2521000323	Dương Triệu Thu	Thảo	25DEC01	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
430	2421003520	Lê Trường	Sơn	TH_24DKQ01	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	2.468.400	
431	2521003627	Nguyễn Huỳnh	Đăng	TH_25DKQ20	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
432	2521005402	Nguyễn Ngọc Minh	Quyên	TH_25DTC05	Ayun Pa	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
433	2321003517	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TH_23DTC04	Ấn Hòa	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
434	2421002578	Nguyễn Đức	Dương	TH_24DQT01	Ấn Hòa	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
435	2421002058	Nguyễn Thị Ý	Xuân	24DAC	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.315.600	
436	2521004214	Nguyễn Ngọc	Quang	TH_25DKQ03	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
437	2521003916	Huỳnh Khánh	Ly	TH_25DKQ09	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
438	2521004527	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	TH_25DKQ10	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
439	2521003918	Nguyễn Thị Phương	Ly	TH_25DKQ12	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
440	2521004288	Nguyễn Thanh	Thảo	TH_25DKQ13	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
441	2521003445	Lê Thị Hiền	Vy	TH_25DMA13	Ấn Tường	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
442	2321002062	Hồ Huỳnh Minh	Nguyệt	23DLG2	Bình An	Tỉnh Gia Lai	928.800	
443	2321001571	Nguyễn Hải	Ly	TH_23DMA02	Bình An	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
444	2321003037	Bùi Thị Phương	Thành	23DNH1	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	928.800	
445	2421001087	Nguyễn Gia	Hân	24DTM1	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
446	2521000116	Trần Hà	My	25DTA01	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	1.267.500	
447	2321001472	Nguyễn Quốc	Đại	TH_23DMC04	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
448	2521001673	Võ Tuấn	Huy	TH_25DQT14	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
449	2521005330	Nguyễn Hồng	Oanh	TH_25DTC17	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
450	2521004825	Trần Khánh	Duy	TH_25DTC22	Bình Dương	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
451	2321002111	Trần Thị Mỹ	Tâm	23DTM	Bình Hiệp	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
452	2421002132	Nguyễn Bảo	Trâm	24DTH	Bình Hiệp	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
453	2521000633	Trần Võ Khả	Vy	25DEM01	Bình Khê	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
454	2521003277	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	TH_25DMA14	Bình Khê	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
455	2521003254	Trương Hồng	Tiên	TH_25DMA17	Bình Khê	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
456	2521002238	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	TH_25DQT08	Bình Khê	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
457	2521005066	Nguyễn Thị Mỹ	Lượng	TH_25UTC02	Bình Khê	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
458	2221004243	Trần Thanh	Nhân	22DTH3	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	537.000	
459	2321004383	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23DKS01	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.014.200	
460	2421001828	Hồ Hoàng	Long	24DFT01	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
461	2421001262	Nguyễn Đặng Phuong	Trúc	24DTM2	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
462	2421004353	Đặng Ni	Sa	IP_24DKQ01	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.504.600	
463	2521006845	Cao Nguyễn Thảo	Vy	IP_25DMA01	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
464	2521006748	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	IP_25DMA02	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
465	2321003862	Nguyễn Trần Trà	My	TH_23DKT03	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.076.400	
466	2321003540	Đặng Thùy Mỹ	Uyên	TH_23DTC03	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
467	2421002846	Cao Lê Mỹ	Chi	TH_24DMC06	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.781.900	
468	2421003384	Nguyễn Khánh	Linh	TH_24DTM01	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.184.900	
469	2521003993	Nguyễn Khánh	Ngân	TH_25DKQ04	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
470	2521003371	Trần Nguyễn Cẩm	Tú	TH_25DMA05	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
471	2521002427	Trần Nhi	Bào	TH_25DMA20	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
472	2521005053	Hà Minh	Lộc	TH_25DTC03	Bồng Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
473	2321003594	Nguyễn Thị Xuân	Mai	23DFT01	Cánh Vinh	Tỉnh Gia Lai	1.161.000	
474	2421001556	Nguyễn Trần Minh	Như	24DNH1	Cánh Vinh	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
475	2321004195	Nguyễn Thị Kiều	Trình	23DLĐ01	Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	928.800	
476	2421001680	Khổng Thị Mỹ	Trâm	24DHQ	Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	1.084.800	
477	2421002095	Trần Thị	Nam	24DTH	Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
478	2521005806	Nguyễn Thị Như	Ý	TN_25DTC01	Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
479	2521003403	Trần Phương	Uyên	TH_25DMA02	Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
480	2321002925	Trương Hữu	Nghĩa	23DTC2	Chư A Thai	Tỉnh Gia Lai	1.295.250	
481	2421002900	Phạm Thị Thu	Huệ	TH_24DMC04	Chư A Thai	Tỉnh Gia Lai	1.772.900	
482	2421004333	Võ Lê Anh	Duy	IP_24DKQ01	Đak Pơ	Tỉnh Gia Lai	2.504.600	
483	2521005903	Nguyễn Hữu	Hùng	TH_25DFT04	Đak Pơ	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	
484	2521005296	Đặng Quỳnh	Như	TH_25DTC08	Đak Pơ	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
485	2221004141	Trương Hoài	Bảo	22DTH1	Đê Gi	Tỉnh Gia Lai	268.500	
486	2321002106	Trương Thị Mỹ	Quỳnh	23DLG1	Đê Gi	Tỉnh Gia Lai	928.800	
487	2321001319	Võ Minh	Thư	23DMC2	Đê Gi	Tỉnh Gia Lai	928.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
488	2321001152	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Châu	23DQH	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	928.800	
489	2321002747	Võ	Đường	23DTD	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	696.600	
490	2321003995	Trần Nguyễn	Khang	23DTH1	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
491	2421001245	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24DLG	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
492	2421002240	Nguyễn Thị Phương	Anh	24DLH01	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.430.800	
493	2421001381	Mai Gia	Hân	24DYC1	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
494	2521001113	Nguyễn Đặng Thu	Uyên	25DD501	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
495	2321001793	Phạm Thị Hồng	Việt	TH_23DMC03	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
496	2421003309	Đinh Thành	Duy	TH_24DTM04	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
497	2521003914	Nguyễn Thị Ngọc	Luyến	TH_25DKQ07	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
498	2521002392	Phan Hoàng	Anh	TH_25DMA10	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
499	2521001669	Trần Nguyễn Gia	Huy	TH_25DQT01	Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
500	2421003777	Nguyễn Gia	Lên	TH_24DHQ01	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
501	2521006423	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	TH_25DAD01	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
502	2521003948	Võ Quang	Minh	TH_25DKQ06	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
503	2521003965	Trương Nguyễn Trà	My	TH_25DKQ10	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
504	2521004349	Phạm Hồng Anh	Thư	TH_25DKQ10	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
505	2521002063	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	TH_25DQT09	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
506	2521005488	Nguyễn Phước	Thịnh	TH_25DTC16	Hòa Hội	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
507	2321002865	Trần Diệu	Linh	23DHQ	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	928.800	
508	2321000706	Trương Thị Bích	Ý	23DQT1	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	928.800	
509	2321004052	Lê Thị Tuyết	Nhi	23DTH1	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	928.800	
510	2321003958	Trần Thị Ngọc	Bích	23DTH2	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	928.800	
511	2521001064	Trần Quang	Kiên	25DD501	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
512	2521000946	Huỳnh Thảo	Ly	25DLB01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
513	2521001347	Nguyễn Hoàng	Hà	25DQN01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	1.254.000	
514	2421003356	Nguyễn Minh	Huy	TH_24DLG01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
515	2421003459	Nguyễn Chí	Nhân	TH_24DLG01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (19% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
516	2421003448	Trần Trung Hồng	Ngọc	TH_24DTM01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	2.441.400	
517	2521006411	Phạm Thị Minh	Hương	TH_25DAD01	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
518	2521004694	Lưu Thị Châu	Anh	TH_25DTC03	Hoài Ân	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
519	2421001701	Trần Thị Mỹ	Trình	24DTC2	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.024.800	
520	2421000313	Nguyễn Trần Huỳnh	Như	24DTL01	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
521	2421000316	Nguyễn Hoàng	Phúc	24DTL01	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
522	2421001265	Nguyễn Thị Huỳnh	Trúc	24DTM1	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
523	2521000613	Trương Thị Hoài	Trình	25DEM01	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
524	2321003665	Ngô Thị Diễm	Kiều	TH_23DLG03	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
525	2421003470	Lý Thị Yến	Nhi	TH_24DLG03	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.325.100	
526	2521003160	Nguyễn Hùng	Thịnh	TH_25DMA04	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
527	2521005298	Đinh Thị Quỳnh	Như	TH_25DTC06	Hoài Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
528	2321000684	Nguyễn Sơn	Tuyển	23DBH2	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
529	2321002030	Đoàn Thị Ngọc	Liên	23DLG2	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
530	2321002799	Đào Thị Thu	Huyền	23DNH1	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
531	2321003098	Nguyễn Lương Kiều	Trang	23DNH2	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
532	2321000519	Đoàn Lê Hoàng	Ngân	23DQT3	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.083.600	
533	2421001165	Cao Phạm Như	Nguyệt	24DLG	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
534	2421001166	Võ Thị Thu	Nguyệt	24DLG	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
535	2421001195	Trần Thị Hoài	Phương	24DLG	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.110.200	
536	2421000797	Nguyễn Thái Ngọc	Hương	24DMA	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
537	2421002508	Nguyễn Kiều	Trưởng	24DQN01	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.430.800	
538	2421000716	Nguyễn Ngô Gia	Vĩ	24DQT1	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
539	2421001438	Trương Lê Tuấn	Khải	24DTC2	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
540	2421001104	Lê Thủy	Hương	24DTM1	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
541	2421002140	Cao Thị Tường	Vy	24DTH	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
542	2521006559	Lê Cao	Phi	BP_25DQT01	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.629.500	
543	2321002631	Nguyễn Thị Hồng	Vân	TH_23DLG01	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
544	2321001586	Trần Mai Chi	My	TH_23DMC05	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
545	2321003272	Hồ Thị Nhật	Hà	TH_23DNI403	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
546	2321003544	Trần Đình	Văn	TH_23DTC02	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.178.900	
547	2321003308	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	TH_23DTC04	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
548	2521005945	Nguyễn Mỹ	Ngân	TH_25DFT02	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
549	2521003422	Nguyễn Huyền	Vĩ	TH_25DMA14	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
550	2521001682	Đoàn Lê Nguyễn	Khang	TH_25DQT05	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
551	2521005738	Huỳnh Ái	Vân	TH_25DTC07	Hoài Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
552	2321000238	Trần Lê Anh	Khoa	23DEM01	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
553	2321004217	Đỗ Ngọc	Dương	23DLH01	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.106.400	
554	2321001153	Nguyễn Thành	Chiến	23DMC2	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
555	2321003110	Nguyễn Thị Bích	Trâm	23DNI12	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.161.000	
556	2321000080	Nguyễn Lê Trúc	Ly	23DTA05	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.006.600	
557	2321000361	Hồ Thị Bích	Thảo	23DTL02	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
558	2421000263	Nguyễn Thảo	Uyên	24DEM01	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
559	2421001129	Nguyễn Cẩm	Ly	24DLG	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
560	2421000795	Võ Thị Kim	Hồng	24DMA	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
561	2421000790	Võ Thị Kim	Hoa	24ĐQH	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
562	2421001066	Lý Khả	Dân	24DTM1	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
563	2521000363	Phạm Nguyễn Lê	Viên	25DEC01	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
564	2521001181	Nguyễn Minh	Quân	25DLH01	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.358.500	
565	2321002593	Trương Bảo	Trâm	TH_23DTM04	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.910.300	
566	2521005986	Phạm Thị Kim	Quý	TH_25DFT02	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
567	2521006027	Võ Ngọc	Trai	TH_25DFT02	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.809.400	
568	2521005446	Đỗ Ngọc	Thanh	TH_25DTC09	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
569	2521004788	Lê Thành	Đạt	TH_25DTC20	Hoài Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
570	2321002080	Lê Quỳnh	Như	23DLG1	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	928.800	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
571	2321001321	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	23DMA	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.368.100	
572	2321002907	Bùi Thị	Ngân	23DTC1	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	696.600	
573	2421001138	Phạm Hoàng	My	24DLG	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
574	2421000850	Nguyễn Thị Ngọc	Nhận	24DQH	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
575	2521000927	Đinh Ngọc	Duyên	25DLD01	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
576	2321002633	Phan Thị Kiều	Vi	TH_23DLG02	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	
577	2421003043	Võ Ngọc Yến	Nhi	TH_24DMC01	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.781.900	
578	2521005425	Trần Thị Diễm	Quỳnh	TH_25DTC03	Hoài Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
579	2421000216	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24DEM01	Hội Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
580	2321003675	Trần Bình	Luận	23DAC1	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	960.800	
581	2421004208	Đào Thị Cẩm	Tú	TH_24DKT03	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
582	2421003778	Hà Thị Kim	Liên	TH_24DTC03	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
583	2521001888	Cao Bùi Đình	Nguyễn	TH_25DQT06	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
584	2521005080	Nguyễn Thị Thanh	Mai	TH_25DTC15	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
585	2421001398	Lương Văn	Hiếu	24DNH2	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
586	2321003725	Bùi Văn	Phương	23DAC1	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	875.400	
587	2521001341	Lê Trần Thanh	Bình	25DQN01	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.254.000	
588	2321002406	Lê Thị Trà	My	TH_23DTM01	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
589	2521001439	Phạm Lê Thanh	Tuyền	25DQN01	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.254.000	
590	2521002809	Nguyễn Trần Diễm	My	TH_25DMA12	Ấn Độ	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
591	2221000234	Nguyễn Việt	Khanh	22DEM02	Kbang	Tỉnh Gia Lai	358.200	
592	2521000964	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	25DLD01	Kbang	Tỉnh Gia Lai	984.500	
593	2521000055	Vũ Ngọc	Hà	25DTA01	Kbang	Tỉnh Gia Lai	1.353.800	
594	2521003169	Nguyễn Thị Thanh	Thu	TH_25DMA02	Kbang	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
595	2421002139	Trần Ngô Mai	Viên	24DTH	Kim Sơn	Tỉnh Gia Lai	1.694.900	
596	2321003150	Đặng Thị Thủy	Tuyền	23DTX	Kông Bơ La	Tỉnh Gia Lai	928.800	
597	2421001207	Nguyễn Hữu Chiến	Thắng	24DTM1	Kông Bơ La	Tỉnh Gia Lai	1.315.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
598	2221004490	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22DLH01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	184.400	
599	2321001259	Lê Ngọc	Nhiên	23DQH	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	983.500	
600	2321000134	Trình Thị Trúc	Quyên	23DTA01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.006.600	
601	2321000167	Nguyễn Trần Anh	Thư	23DTA01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.006.600	
602	2421001827	Đinh Cát	Lợi	24DFT01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.315.600	
603	2421002339	Phạm Tô Phương	Dung	24DKS01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.639.800	
604	2421001494	Nguyễn Hoài	Nam	24DNH2	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
605	2521001102	Nguyễn Thanh	Thiện	25DDS01	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.342.500	
606	2421004000	Trần Lê Bảo	Trần	TH_24DTC05	Ngô Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
607	2421002847	Trần Linh	Chi	TH_24DMA01	Pừ Tô	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
608	2321000184	Huỳnh Mai	Trúc	23DTA02	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.006.600	
609	2321000053	Huỳnh Thị Kim	Huệ	23DTA03	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.006.600	
610	2421001802	Nguyễn Quang	Hiền	24DFT01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
611	2421000833	Hà Lê Thanh	Ngân	24DMC	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.511.800	
612	2421000058	Phạm Trung	Hậu	24DTA01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	805.000	
613	2421001639	Hà Nguyễn Anh	Thư	24DTC1	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
614	2421001557	Trà Nguyễn Quỳnh	Như	24DTC2	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
615	2421000336	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	24DTL01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
616	2521001033	Nguyễn Lâm Bình	An	25DDS01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
617	2521000364	Huỳnh Thị Tường	Vy	25DEC01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
618	2221002616	Lê Phúc	Nguyễn	CLC_22DTM06	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.498.700	
619	2521007015	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	IP_25DKQ03	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
620	2321003339	Bùi Thiên	Kim	TH_23DTC03	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	2.178.900	
621	2421003379	Bùi Thị Nhã	Linh	TH_24DLG02	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
622	2421003096	Trần Thị Như	Quỳnh	TH_24DMC05	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.772.900	
623	2521003851	Hà Trung	Kiên	TH_25DKQ02	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
624	2521004534	Lương Phùng	Tương	TH_25DKQ06	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
625	2521004476	Nguyễn Thị Đoan	Trang	TH_25DKQ09	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
626	2521003278	Nguyễn Thùy	Trâm	TH_25DMA01	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
627	2521003077	Nguyễn Trần Trúc	Quyên	TH_25DMA14	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
628	2521001821	Trần Thị Ái	Mỹ	TH_25DQT09	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
629	2521001970	Tăng Hồng	Nhung	TH_25DQT15	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
630	2521005056	Nguyễn Thị Thanh	Lợi	TH_25DTC13	Phù Cát	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
631	2421000422	Nguyễn Đoàn Du	Hà	24DBH2	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.451.800	
632	2421001771	Cáp Thị Kim	Anh	24DFT01	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.315.600	
633	2521001037	Nguyễn Châu	Anh	25DOS01	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
634	2521000615	Nguyễn Ánh	Trúc	25DBM01	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
635	2321003807	Nguyễn Trần Lan	Anh	TH_23DKT02	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.539.200	
636	2321001611	Nguyễn Bảo	Ngọc	TH_23DMC02	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	2.044.600	
637	2321003537	Nguyễn Vũ Ánh	Tuyết	TH_23DNH02	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
638	2321003359	Phan Lê Đức	Mạnh	TH_23DTC02	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	2.044.600	
639	2321002291	Huỳnh Thanh	Giang	TH_23DTM03	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.910.300	
640	2421003432	Phạm Nguyễn Thanh	Ngân	TH_24DTM04	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
641	2521003991	Nguyễn Bảo	Ngân	TH_25DKQ10	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
642	2521002129	Nguyễn Huỳnh	Thư	TH_25DXT04	Phù Mỹ	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
643	2221002278	Trần Đại	Nghĩa	22DKQ2	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	626.700	
644	2521000873	Đỗ Thị Kim	Tiết	25DHT02	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
645	2521001162	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25DLH01	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.358.500	
646	2521006794	Phạm Huỳnh Thiên	Thư	IP_25DMA04	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.980.100	
647	2521007084	Đặng Thị Trâm	Anh	IP_25DTC01	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.629.500	
648	2421003308	Nguyễn Thị Ánh	Dương	TH_24DKQ01	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
649	2421004041	Hồ Thị Tường	Vy	TH_24DTC03	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
650	2521003416	Đặng Thị Ái	Vì	TH_25DMA14	Phù Mỹ Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
651	2321003773	Đặng Thị	Trúc	23DAC2	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	851.400	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
652	2321002974	Nguyễn Quỳnh	Như	23DHQ	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
653	2321002078	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23DKQ	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
654	2321004120	Nhữ Thanh	Trúc	23DTK	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	851.400	
655	2421001240	Nguyễn Thị Hoài	Thương	24DLG	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
656	2421000715	Trần Thị Thảo	Vi	24DQT1	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
657	2421001272	Nguyễn Ngọc Bích	Tuyển	24DTM1	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
658	2421002127	Trương Thị Anh	Thư	24DTH	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
659	2521004141	Ngô Nhữ Quỳnh	Như	TH_25DKQ06	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
660	2521003115	Trương Thị Khánh	Tâm	TH_25DMA04	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
661	2521004696	Ngô Lê Hoài	Anh	TH_25DTC10	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
662	2521005228	Nguyễn Nguyên Nguyệt	Nguyệt	TH_25DTC12	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
663	2521004787	Lê Nguyễn Tấn	Đạt	TH_25DTC17	Phù Mỹ Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
664	2321004322	Lê Ngọc	Hường	23DKS02	Phù Mỹ Nam	Tỉnh Gia Lai	1.014.200	
665	2321001577	Phạm Nguyễn Duy	Mạnh	TH_23DMC06	Phù Mỹ Nam	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
666	2421001367	Lê Kỳ	Duyên	24DTC1	Phù Mỹ Tây	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
667	2321002322	Hà Minh	Hiếu	TH_23DKQ01	Phù Mỹ Tây	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
668	2521003744	Hà Quang	Hiển	TH_25DKQ04	Phù Mỹ Tây	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
669	2521004589	Đỗ Ngọc Tường	Vy	TH_25DKQ15	Phù Mỹ Tây	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
670	2421001228	Đỗ Ngọc Anh	Thư	24DTM2	Phù Túc	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
671	2421003527	Nguyễn Minh	Tâm	TH_24DTM04	Phù Túc	Tỉnh Gia Lai	2.459.400	
672	2421003568	Lê Mai	Thy	TH_24DTM04	Phù Túc	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
673	2521004296	Trần Huỳnh Như	Thảo	TH_25DKQ13	Phù Túc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
674	2521004719	Trần Lê Tuyết	Anh	TH_25DTC02	Phù Túc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
675	2321001174	Lê Đăng	Hải	23DMA	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	928.800	
676	2321001188	Trần Thị Kim	Huệ	23DMA	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	928.800	
677	2321001279	Đoàn Như	Quỳnh	23DMC2	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	1.274.700	
678	2521001044	Đào Ngọc	Bích	25DD0801	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
679	2521000064	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	25DTA03	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	1.267.500	
680	2321002422	Đinh Vũ Kim	Ngân	TH_23DLG03	Phù Thiện	Tỉnh Gia Lai	2.178.900	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
681	2521005976	Nguyễn Đức	Phát	TH_25DFT04	Phà Thiện	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	
682	2521004855	Mai Thu	Hạ	TH_25DYTC09	Phà Thiện	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
683	2321001811	Nguyễn Thanh	Bình	23DKB02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	751.300	
684	2321001875	Bùi Kiến	Quốc	23DKB02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.043.800	
685	2321001884	Nguyễn Hữu	Tài	23DKB02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
686	2321004201	Nguyễn Anh	Vũ	23DL001	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
687	2321002675	Văn Phương	Anh	23DNH2	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.161.000	
688	2321000669	Nguyễn Thị Kiều	Trình	23DQT2	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	928.800	
689	2321002819	Võ Kim	Khang	23DTX	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
690	2421001790	Nguyễn Quang	Dũng	24DFT01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
691	2421001809	Nguyễn Thanh	Hương	24DFT01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
692	2421001399	Phan Văn	Hiếu	24DHQ	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
693	2421001471	Trần Ngọc Khánh	Linh	24DHQ	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.024.800	
694	2421001597	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	24DHQ	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.084.800	
695	2421000420	Phan Hương	Giang	24DQT1	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
696	2421000539	Lê Thị Bảo	Ngọc	24DQT1	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
697	2421001116	Lê Trung	Kiến	24DTM2	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
698	2521001060	Trần Thanh	Huy	25DDS01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
699	2521000906	Nguyễn Giao	Ý	25DHT01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
700	2521001327	Đoàn Thùy	An	25DQNB01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.358.500	
701	2421004349	Lê Phan Ý	Nhi	IP_24DKQ01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.504.600	
702	2521006974	Huỳnh Bảo	Ngân	IP_25DKQ04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
703	2521007027	Nguyễn Phương Trúc	Quỳnh	IP_25DKQ04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
704	2521006781	Nguyễn Lê Hoàng	Thiện	IP_25DMA01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.278.900	
705	2521007154	Trương Hồng Hoàng	Phúc	IP_25DTC01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.980.100	
706	2321003243	Nguyễn Trần Thế	Dân	TN_23DTC01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
707	2321003914	Cù Nguyễn Thảo	Thương	TH_23DKT03	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.184.000	
708	2321001130	Trần Hồng Thảo	Vy	TH_23DQT04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.044.600	
709	2321000996	Nguyễn Thế Bảo	Quyển	TH_23DQT06	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.910.300	
710	2321003244	Nguyễn Võ Hoàng	Diễm	TH_23DFC04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
711	2321003250	Nguyễn Quang	Dũng	TH_23DFC04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.050.600	
712	2321003312	Lê Trần Gia	Hung	TH_23DFC04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.178.900	
713	2321003395	Lê Hà	Nguyễn	TH_23DFC05	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
714	2321002497	Nguyễn Thanh	Phương	TH_23DTM02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
715	2321002540	Phạm Thanh	Thảo	TH_23DTM03	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
716	2421003791	Võ Thị Nhật	Linh	TH_24DHQ01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
717	2421004091	Tạ Ngô Phương	Duyên	TH_24DKT02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.910.300	
718	2421004112	Huỳnh Huy	Hoàng	TH_24DKT04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
719	2421004113	Nguyễn Hữu	Hoàng	TH_24DKT04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
720	2421003267	Nguyễn Thị Hải	Anh	TH_24DLG03	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
721	2421003036	Nguyễn Thảo	Nhi	TH_24DMCH1	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.781.900	
722	2421003221	Phan Ngọc Khánh	Viên	TH_24DMCH1	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.772.900	
723	2421003857	Huỳnh Lê Như	Nhân	TH_24DNH01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
724	2421003730	Võ Huy	Hoàng	TH_24DNH02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
725	2421002685	Trần Trọng	Nhân	TH_24DQT01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
726	2421003578	Đỗ Quang	Tin	TH_24DTM01	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
727	2421003315	Trịnh Thu	Giang	TH_24DTM02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
728	2521006409	Trần Thị Thảo	Hiền	TH_25DAD02	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	
729	2521003917	Mai Ái	Ly	TH_25DKQ04	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
730	2521003547	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	TH_25DKQ05	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
731	2521003895	Phạm Nguyễn Thủy	Linh	TH_25DKQ09	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
732	2521003907	Nguyễn Hữu	Lộc	TH_25DKQ12	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
733	2521004393	Phạm Mai	Thy	TH_25DKQ17	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
734	2521006340	Võ Phương	Trần	TH_25DKT03	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	

Sĩt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
735	2521003429	Nguyễn Thành	Vũ	TH_25DMA17	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
736	2521002098	Trần Thụy Vy	Thảo	TH_25DQT06	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
737	2521001802	Đoàn Lê	Minh	TH_25DQT09	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
738	2521001974	Đặng Nguyễn Hoàng	Oanh	TH_25DQT11	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
739	2521002284	Nguyễn Huỳnh Yến Vi		TH_25DQT14	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
740	2521004821	Nguyễn Quốc	Duy	TH_25DTC07	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
741	2521005048	Võ Phương	Linh	TH_25DTC20	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
742	2521005183	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	TH_25DTC21	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
743	2221004376	Diệp Mai Gia	Đam	22DTL01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	752.220	
744	2321004191	Trần Huỳnh Thùy	Trang	23DLĐ01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
745	2321002031	Hồ Bích	Liễu	23DLG1	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
746	2321002109	Võ Trúc	Quỳnh	23DLG1	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
747	2321001216	Nguyễn Xuân	Mai	23DMC1	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
748	2321002852	Đỗ Thị Thùy	Linh	23DTC2	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
749	2321002007	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	23DTM	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
750	2321004031	Tô Thị Hồ Thanh	Ngân	23DTH3	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
751	2521000351	Lê Kiều	Trình	25DEC01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
752	2421004286	Lê Thị Thanh	Hằng	IF_24DMA01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.370.200	
753	2421002643	Trần Thành	Lợi	TH_24DBH01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
754	2421004104	Trần Huỳnh Bảo	Hân	TH_24DKT03	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
755	2421003413	Đặng Giang	My	TH_24DTM02	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.468.400	
756	2421003481	Đặng Võ Tổ	Như	TH_24DTM02	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
757	2421003554	Đỗ Vũ Anh	Thư	TH_24DTM03	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.325.100	
758	2521000895	Lê Ánh	Vy	TH_25DKQ08	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
759	2521004243	Tô Như	Quỳnh	TH_25DKQ16	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
760	2521003963	Trần Ngọc Thảo	My	TH_25DKQ17	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
761	2521003633	Huỳnh Tấn	Đạt	TH_25DKQ19	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
762	2521006275	Trần Lê Như	Quỳnh	TH_25DKT01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
763	2521003477	Nguyễn Triệu	Vỹ	TH_25DMA01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2020) (đ)	Ghi chú
764	2521002274	Phan Nhật Châu	Uyên	TH_25DQT01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
765	2521004791	Phạm Sỹ	Đạt	TH_25DTC01	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
766	2521005795	Trịnh Huỳnh Thủy	Vy	TH_25DTC03	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
767	2521005273	Nguyễn Quỳnh Yến	Nhi	TH_25DTC05	Quy Nhơn Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
768	2221004532	Võ Thị Yến	Nhi	22DLH03	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	313.500	
769	2421001257	Huỳnh Thị Thảo	Trang	24DLG	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
770	2421000033	Nguyễn Cao Thái	Danh	24DTA01	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.240.000	
771	2521000890	Nguyễn Thị Yến	Vân	25DHT02	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
772	2321002507	Phạm Thị Xuân	Quyên	TH_23DLG02	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.420.800	
773	2321001693	Lương Lê Tâm	Thanh	TH_23DMA01	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
774	2321000911	Nguyễn Tường Thảo	My	TH_23DQT02	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
775	2321001012	Nguyễn Thị Tú	Tâm	TH_23DQT03	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
776	2421003930	Trịnh Đình	Thái	TH_24DTC03	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
777	2521006417	Nguyễn Lê Kim	Kỳ	TH_25DAD01	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	1.669.200	
778	2521005084	Hồ Văn	Minh	TH_25DTC23	Quy Nhơn Đông	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
779	2221002059	Lê Thị Thu	Thủy	22DKB01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	537.000	
780	2321003663	Hồ Tùng	Hữu	23DKT	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.315.800	
781	2321003690	Nguyễn Trần Phương	Ngân	23DKT	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.138.300	
782	2321001185	Trần Công	Hiếu	23DMC2	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	928.800	
783	2521000893	Võ	Vũ	25DHT01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
784	2521000444	Huỳnh Nguyễn Uyển	Nhi	25DYL01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
785	2221001980	Trần Thị Mỹ	Duyên	CLC_22DQT09	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	805.800	
786	2521007026	Nguyễn Đặng Như	Quỳnh	IP_25DKQ02	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
787	2521006904	Nguyễn Bảo Gia	Hân	IP_25DKQ04	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
788	2521006680	Võ Vĩnh	Khanh	IP_25DMA02	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.804.800	
789	2321002562	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	TH_23DLG01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
790	2321002376	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	TH_23DTM03	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
791	2321002600	Huỳnh Đặng Bảo	Trần	TH_23DTM03	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
792	2421004149	Bùi Khánh	Ngọc	TH_24DKT01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.325.100	
793	2421003479	Võ Tâm	Nhi	TH_24DLG01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
794	2421003373	Trần Lê Thiến	Kim	TH_24DLG02	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.047.500	
795	2421003269	Nguyễn Thủy Minh	Anh	TH_24DLG02	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
796	2421003593	Nguyễn Quỳnh Bảo	Trần	TH_24DLG01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
797	2421003634	Hà Trần Khánh	Vy	TH_24DLG03	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
798	2421002979	Nguyễn Trần Khánh	Nam	TH_24DMC01	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.781.900	
799	2421003177	Phạm Ngọc	Trần	TH_24DMC04	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.772.900	
800	2421003899	Hồ Hạnh	Phương	TH_24DTC03	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
801	2421003284	Phan Gia	Bảo	TH_24DTM03	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
802	2521005922	Phạm Ngọc	Khiêm	TH_25DFT02	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	
803	2521005153	Trà Khánh	Ngân	TH_25DTC05	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
804	2521005144	Nguyễn Thị Kim	Ngân	TH_25DTC10	Quy Nhơn Nam	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
805	2321002051	Phạm Thanh	Ngân	23DLG2	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
806	2321004291	Đặng Thảo	Vy	23DLH01	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	1.576.650	
807	2321002933	Nguyễn Bảo	Nguyễn	23DNH1	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	464.400	
808	2521000344	Trịnh Thùy	Trâm	25DEC01	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
809	2421001323	Trần Hoàng Minh	Ánh	TN_24DTC01	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
810	2421001768	Trần Phan Hải	Yến	TN_24DTC01	Quy Nhơn Tây	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
811	2321002812	Lăng Thị Thu	Hương	23DTC	Tơ Tung	Tỉnh Gia Lai	983.500	
812	2521003342	Hà Đăng	Trình	TH_25DMA09	Tơ Tung	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
813	2321000258	Phan Trần Thanh	Nhân	23DEM01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.197.300	
814	2321003602	Đặng Huỳnh	Như	23DFT01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.161.000	
815	2321003004	Lê Kiến	Quốc	23DHQ	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	983.500	
816	2321003167	Nguyễn Trần Nhã	Uyển	23DTC3	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	928.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
817	2321004096	Nguyễn Thị Minh	Thư	21DTK	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	851.400	
818	2421000825	Hồ Giang Đông	My	24DMC	tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
819	2421000956	Đặng Nguyễn Trúc	Vy	24DMC	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
820	2421001358	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24DNH2	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
821	2421000503	Nguyễn Thị Thảo	Linh	24DQT2	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
822	2421001243	Phan Thị Diễm	Thy	24DTM2	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
823	2321003278	Cao Mỹ	Hạnh	TH_23DHHQ01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
824	2321001423	Nguyễn Trương Vân	Anh	TH_23DMC01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
825	2321003399	Phan Thảo	Nguyễn	TH_23DNH02	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
826	2321001068	Trần Thị Thu	Trang	TH_23DQT02	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
827	2521004350	Phạm Lê Anh	Thư	TH_25DKQ01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
828	2521003341	Trần Thị Mỹ	Trinh	TH_25DMA02	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
829	2521002421	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	TH_25DMA16	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
830	2521001829	Bùi Thị Thanh	Ngân	TH_25DQT01	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
831	2521002124	Lê Nguyễn Anh	Thư	TH_25DQT02	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
832	2521003834	Nguyễn Ngọc An	Khánh	TH_25DTC05	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
833	2521004885	Phan Thị Ngân	Hàng	TH_25DTC22	Tuy Phước	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
834	2321000653	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23DBH2	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
835	2321001317	Trần Minh	Thư	23DMA	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	928.800	
836	2421002044	Đỗ Văn	Trọng	24DAC	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
837	2421001603	Nguyễn Huỳnh Bích	Sang	24DHQ	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.144.800	
838	2421001463	Lê Phạm Khánh	Linh	24DNH2	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.084.800	
839	2421000441	Huỳnh Thanh	Hiển	24DQT2	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
840	2321002596	Cao Mộng Huyền	Trân	TH_23DLG03	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
841	2321001634	Nguyễn Ý	Nhi	TH_23DMA03	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
842	2321002213	Nguyễn Lê Quỳnh	Ái	TH_23DTM01	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.776.000	
843	2421003717	Trần Lê Phương	Hằng	TH_24DHQ01	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	2.184.900	
844	2521005832	Phạm Hồ Diệp Thái	An	TH_25DFT03	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
845	2521003969	Trần Văn	Mỹ	TH_25DKQ01	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
846	2521006351	Đặng Thanh	Trúc	TH_25DKT01	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
847	2521001637	Nguyễn Bảo	Hoan	TH_25DQT13	Tuy Phước Bắc	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
848	2321000609	Nguyễn Trọng	Tấn	25DBH1	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	696.600	
849	2321000548	Lê Yến	Nhi	23DQT2	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	928.800	
850	2421000374	Đoàn Thị Tuyết	Cầm	24HLD01	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.170.200	
851	2521000614	Đào Thị Như	Trúc	25DEM01	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
852	2521000753	Nguyễn Hồ Kim	Trọng	25DKB01	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.074.000	
853	2521000117	Trương Ngô Hà	My	25DTA01	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.183.000	
854	2321001749	Bùi Trương Thị	Trang	TH_23DMC05	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	2.178.900	
855	2521003927	Mai Nguyễn Hoàng	Mai	TH_25DKQ16	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
856	2521004594	Dương Ngọc Thảo	Vy	TH_25DKQ17	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
857	2521003558	Phan Thị Quỳnh	Anh	TH_25DKQ21	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
858	2521003155	Ma Thị Hà	Thi	TH_25DMA25	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.880.200	
859	2521001555	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	TH_25DQT17	Tuy Phước Đông	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
860	2421001011	Hà Hoài	Ngân	24DKB01	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	1.293.300	
861	2421000917	Nguyễn Thị Minh	Thư	24DQH	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
862	2421002546	Nguyễn Thiên	Bảo	TH_24DBH01	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
863	2421004209	Nguyễn Thái Cầm	Tú	TH_24DKT01	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	2.056.500	
864	2521005947	Nguyễn Nữ Hoài	Ngân	TH_25DFT01	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	1.540.800	
865	2521004073	Hồ Thị An	Nguyễn	TH_25DKQ14	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
866	2521002286	Nguyễn Ngô Hoàng	Việt	TH_25DQT13	Tuy Phước Tây	Tỉnh Gia Lai	1.611.600	
867	2521000293	Võ Thị Cầm	Linh	25DEC01	Vạn Đức	Tỉnh Gia Lai	1.163.500	
868	2421003232	Lê Nguyễn Tường	Vy	TH_24DMA03	Vạn Đức	Tỉnh Gia Lai	2.190.800	
869	2521003702	Nguyễn Ngọc	Hà	TH_25DKQ11	Vạn Đức	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
870	2321000274	Mang Trần Sơn	Quỳnh	23DEM02	Vĩnh Thạnh	Tỉnh Gia Lai	928.800	
871	2421000903	Huỳnh Thị Phương	Thảo	24DQH	Vĩnh Thạnh	Tỉnh Gia Lai	1.255.600	
872	2321001387	Nguyễn Đăng	Khôi	TP_23DMA01	Vĩnh Thạnh	Tỉnh Gia Lai	2.515.500	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
873	2421001542	Phạm La Tổ	Nhi	TN_24DTC01	Vĩnh Thạnh	Tỉnh Gia Lai	1.922.200	
874	2421000204	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24DEM01	Xuân An	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
875	2421001819	Huỳnh Công	Khánh	24DFT02	Xuân An	Tỉnh Gia Lai	1.195.600	
876	2421002346	Tô Bảo	Hân	24DKS01	Xuân An	Tỉnh Gia Lai	1.535.300	
877	2521003753	Đoàn Thị Thanh	Hoa	TH_25DKQ03	Xuân An	Tỉnh Gia Lai	1.745.900	
878	2521005612	Phan Huỳnh Bảo	Trâm	TH_25DTC20	Xuân An	Tỉnh Gia Lai	2.014.500	
879	2421000370	Nguyễn Cao	Bách	24DBH1	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.084.800	
880	2421000680	Nguyễn Trần Bảo	Trần	24DBH2	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
881	2421000830	Trương Ngọc Trà	My	24DMC	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
882	2321003792	Ngô Khánh	An	TH_23DKT02	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.539.200	
883	2321003393	Bùi Trung	Nguyễn	TH_23DNH03	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
884	2321000832	Nguyễn Chí	Hiếu	TH_23DQT01	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
885	2421003093	Phan Trúc	Quỳnh	TH_24DMA01	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
886	2521006197	Tạ Thị Bích	Ngà	TH_25DKT02	Ba Ngòi	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
887	2321004088	Lê Hoàng Anh	Thịnh	23DTH1	Bắc Ái	Tỉnh Khánh Hòa	1.048.200	
888	2321001544	Thành Thị Kim	Khuê	TH_23DMC02	Bắc Ái Tây	Tỉnh Khánh Hòa	2.313.200	
889	2421001984	Lê Trung	Nhật	24DAC	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
890	2421001868	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	24DFT01	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
891	2421001131	Lê Thị Tuyết	Mai	24DEL	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.366.400	
892	2421000063	Nguyễn Võ Gia	Huân	24DTA02	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.452.000	
893	2421001564	Võ Đào Nhất	Ninh	24DTC2	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
894	2521007041	Trịnh Thy	Thy	IP_25DKQ03	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
895	2421001378	Trần Thị Thanh	Hà	TN_24DTC01	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
896	2321003943	Lê Nguyễn Tường	Vy	TH_23DKT01	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.539.200	
897	2321000763	Lê Huỳnh Trâm	Anh	TH_23DQT06	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
898	2421003521	Võ Tấn	Sơn	TH_24DLG01	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
899	2521005929	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	TH_25DFT04	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
900	2521004284	Nguyễn Mai	Thảo	TH_25DKQ03	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
901	2521005208	Trương Thị Như	Ngọc	TH_25DTC07	Bảo An	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
902	2221001987	Lê Hoàng Bảo	Hoan	22DKB01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	179.100	
903	2321003090	Nguyễn Mỹ An	Tiến	23DHQ	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	696.600	
904	2321000041	Nguyễn Thị Ngân	Hà	23DTA03	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	981.025	
905	2321000302	Nguyễn Quỳnh	Anh	23DTL01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
906	2421000926	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiến	24DMC	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
907	2421000627	Đặng Ngọc	Thảo	24DQT1	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
908	2421000024	Hoàng An	Bình	24DTA02	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.183.500	
909	2421001626	Võ Thị Bích	Thảo	24DTC2	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.366.400	
910	2521000522	Nguyễn Thảo Vân	Anh	25DEM01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
911	2521000839	Huỳnh Tổ	Như	25DHT02	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
912	2521000045	Huỳnh Nguyễn Thủy	Duyên	25DTA02	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.395.700	
913	2521006797	Trần Thị Anh	Thư	IP_25DMA01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.278.900	
914	2521006809	Nguyễn Phan Bảo	Thy	IP_25DMA04	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.980.100	
915	2521006513	Nguyễn Trung	Hiếu	IP_25DQT01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.980.100	
916	2421001621	Nguyễn Phương	Thảo	TN_24DTC01	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
917	2321000920	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	TH_23DQT06	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
918	2521004440	Triệu Quỳnh	Trâm	TH_25DKQ13	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
919	2521006338	Phạm Huyền	Trần	TH_25DKT04	Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
920	2421002122	Tôn Nữ Anh	Thảo	24DTH	Bắc Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.464.100	
921	2221002594	Lê Mai Phương	Ngân	CLC_22DTM03	Bắc Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	402.900	
922	2521004246	Nguyễn Thị Thu	Sinh	TH_25DKQ14	Bắc Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
923	2521004333	Nguyễn Anh	Thư	TH_25DKQ14	Bắc Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
924	2321003778	Đinh Nguyễn Tú	Uyên	23DAC1	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.119.900	
925	2321000590	Hồ Minh	Quân	23DBH1	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
926	2321002756	Nguyễn Thu	Hà	23DPF	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
927	2321000157	Phạm Đỗ Thu	Thủy	23DTA01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
928	2321000077	Nguyễn Trần Thanh	Luyến	23DTA04	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.056.800	
929	2421000707	Trần Thị Thanh	Tuyền	24DBH1	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
930	2421002167	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	24DLĐ01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.267.900	
931	2421001581	Nguyễn Thanh Thy	Phụng	24DTC1	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
932	2421000302	Đặng Anh Ánh	Ngọc	24DTL01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
933	2521000574	Ngô Ngọc Hạnh	Nguyễn	25DEM01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.163.500	
934	2521001263	Nguyễn Việt Thanh	Ngân	25DK301	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.254.000	
935	2521000914	Trần Đoàn Phương	Anh	25DLĐ01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.253.000	
936	2221002522	Phạm Đức	Huy	CLC_23DTM09	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	274.600	
937	2521006933	Nguyễn Trí	Khang	IP_25DKQ01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
938	2521006945	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	IP_25DKQ02	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.278.900	
939	2521006986	Nguyễn Phúc Khôi	Nguyễn	IP_25DKQ02	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
940	2321002700	Trương Thị	Diễm	TN_23DTC01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.420.800	
941	2321001231	Nguyễn Mai	Ngân	TH_23DMA04	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
942	2321003538	Bùi Phương	Uyên	TH_23DNH01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
943	2321002386	Nguyễn Trần	Long	TH_23DTM05	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
944	2421003559	Nguyễn Minh	Thư	TH_24DLG02	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.038.500	
945	2421003068	Nguyễn Lê Hồng	Phương	TH_24DMC01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.781.900	
946	2421003294	Trần Quỳnh	Đan	TH_24DTM03	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
947	2521006408	Đinh Thị Minh	Hiền	TH_25DAD01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
948	2521005937	Nguyễn La Thanh	Mai	TH_25DPT04	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
949	2521004013	Võ Hà	Ngân	TH_25DKQ05	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
950	2521003760	Nguyễn Văn	Hóa	TH_25DKQ08	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
951	2521003792	Đặng Nhật	Huy	TH_25DKQ19	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
952	2521006089	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	TH_25DKT03	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
953	2521001716	Võ Tuấn	Kiệt	TH_25DQT01	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
954	2521001951	Hồ Trần Quỳnh	Như	TH_25DQT04	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
955	2521002174	Nguyễn Cát	Tiên	TH_25DQT06	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
956	2521001703	Trần Thái Anh	Khoa	TH_25DQT11	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
957	2521005828	Trương Ngọc	Yến	TH_25DTC06	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
958	2521004965	Võ Thị Khánh	Huyền	TH_25DTC13	Bắc Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
959	2321000040	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	23DTA01	Cà Ná	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
960	2421002989	Trần Nữ Thúy	Ngân	TH_24DMA03	Cà Ná	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
961	2521005915	Đoàn Thanh	Kha	TH_25DFT05	Cà Ná	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
962	2421000886	Nguyễn Thị Thu	Sương	24DQH	Cam An	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
963	2521000608	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	25DEM01	Cam An	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
964	2321000509	Trần Lê Ngọc	Mai	23DBH1	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
965	2321000227	Nguyễn Phạm Phuong	Đoan	23DEM02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
966	2321002003	Trương Khả	Hân	23DLG1	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
967	2321001140	Hồ Quỳnh	Anh	23DMA	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
968	2321001204	Nguyễn Văn	Khuyến	23DMC1	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
969	2321000088	Đặng Kha	My	23DTA04	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
970	2321000362	Nguyễn Mai Quỳnh	Thư	23DTL02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
971	2421000624	Hoàng Gia	Thành	24DBH1	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.511.800	
972	2421002258	Cao Trần Minh	Khoa	24DLJ101	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.535.300	
973	2421002108	Trần Nguyễn Ngọc	Như	24DTH	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.366.400	
974	2421002134	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	24DTH	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
975	2521000273	Lê Hoàng Nhật	Hạ	25DEC01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
976	2521000233	Nguyễn Thị Khánh	Trình	25DTA01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.183.000	
977	2521000028	Trần Ngọc Bảo	Châu	25DTA02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.267.500	
978	2421004266	Trần Thị Trúc	Thành	IP_24DQT01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.504.600	
979	2521006842	Trần Vũ Lan	Viên	IP_25DMA01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
980	2521005295	Trịnh Phương	Nhiên	TN_25DTC01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
981	2321003737	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	TH_23DKT04	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.539.200	
982	2321001464	Lương Nữ Thùy	Duyên	TH_23DMA02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
983	2321001748	Bùi Khánh	Trang	TH_23DMC01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
984	2321001647	Đoàn Thảo Quỳnh	Như	TH_23DMC03	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
985	2321001668	Trịnh Trần Khánh	Phương	TH_23DMC04	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
986	2321001784	Nguyễn Hoàng Tú	Uyên	TH_23DMC06	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
987	2321002410	Nguyễn Ngọc Thảo	My	TH_23DTM02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
988	2321002243	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	TH_23DTM03	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
989	2421004085	Nguyễn Cao Thiên	Đoan	TH_24DKT01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
990	2421003101	Nguyễn Tuấn	Tài	TH_24DMA03	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
991	2421003724	Ngô Trung	Hiếu	TH_24DNH01	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
992	2421002589	Đặng Anh	Giáp	TH_24DQT04	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
993	2521006064	Nguyễn Thị Hải	Yến	TH_25DFT04	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
994	2521003523	Đinh Thị Kim	Anh	TH_25DKQ03	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
995	2521004334	Nguyễn Bảo Minh	Thư	TH_25DKQ08	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
996	2521003956	Nguyễn Thị Trà	My	TH_25DKQ11	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
997	2521004217	Lê Thị Đỗ	Quyên	TH_25DKQ17	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
998	2521002895	Đỗ Phương Bảo	Ngọc	TH_25DMA02	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
999	2521002706	Đỗ Nguyễn Đan	Lê	TH_25DMA07	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1000	2521002618	Võ Thị Khánh	Hoàng	TH_25DMA13	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1001	2521002594	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TH_25DMA21	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1002	2521002748	Ngô Tấn	Lộc	TH_25DMA23	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1003	2521001903	Trịnh Khôi	Nguyễn	TH_25DQT14	Cam Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1004	2221003356	Lê Huỳnh Nguyễn	Văn	22DIF	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	268.500	
1005	2321001905	Nguyễn Trọng	Tiến	23DKB02	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.215.700	
1006	2321000317	Mai Hồng	Hậu	23DTL01	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1007	2421002259	Trần Lê Đăng	Khôi	24DLH01	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.430.800	
1008	2421002303	Nguyễn Đỗ Hạnh	Uyên	24DLH01	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.535.300	
1009	2421000929	Trần Thị Kim	Tiến	24DMC	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.600	
1010	2421000404	Trần Khánh	Đoan	24DQT1	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1011	2421000653	Dương Hoàng Anh	Thương	24DQT1	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1012	2221003695	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	CLC_22DTC06	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.056.900	

Sr	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1013	2321003561	Nguyễn Yến	Vy	TH_23DTC02	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1014	2321003501	Võ Phạm Thanh	Thư	TH_23DTC03	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	2.178.900	
1015	2321002008	Phạm Lê Như	Hòa	TH_23DTM06	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1016	2521005901	Trần Việt	Hoàng	TH_25DFT03	Cam Linh	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
1017	2321003620	Nguyễn Tuệ	Trung	23DFT01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.429.500	
1018	2321001878	Lê Phan Trúc	Quyên	23DKB02	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1019	2421000476	Lê Tấn	Khải	24DBH2	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1020	2421000303	Lê Bích	Ngọc	24DTL01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.600	
1021	2521000503	Nguyễn Ngọc	Vinh	25DTL01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1022	2221002581	Nguyễn Khánh	Minh	CLC_22DTM08	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.009.200	
1023	2521006806	Đặng Minh	Thùy	IP_25DMA02	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.278.900	
1024	2321001633	Ngô Vi Nhã	Nhi	TH_23DMC01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1025	2321003301	Nguyễn Duy	Hoàng	TH_23DNH02	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1026	2421003380	Đặng Huyền	Linh	TH_24DKQ01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1027	2421003528	Phạm Thị Thanh	Tâm	TH_24DKQ01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1028	2421002836	Trần Phan Mỹ	Anh	TH_24DMC01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.767.000	
1029	2421003026	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhã	TH_24DMC01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.781.900	
1030	2421003808	Trương Hồ Tuyết	Minh	TH_24DNH01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1031	2421002808	Đặng Phan Yến	Vy	TH_24DQT02	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1032	2421002732	Đào Hồng	Son	TH_24DQT03	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.719.000	
1033	2421003736	Phan Hồ Quỳnh	Hương	TH_24DTC05	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.047.500	
1034	2521006048	Nguyễn Bùi Xuân	Uyên	TH_25DFT01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1035	2521003868	Nguyễn Hoa Ngọc	Lan	TH_25DKQ01	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1036	2521006191	Trương Kiều Diễm	My	TH_25DKT03	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1037	2521006100	Nguyễn Phạm Huyền	Diệu	TH_25DKT06	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1038	2521002652	Lê Thị Thu	Huyền	TH_25DMA06	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1039	2521002704	Phạm Thị Ngọc	Lan	TH_25DMA22	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1040	2521001850	Lương Lê Đình	Nghi	TH_25DQT10	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Chi chú
1041	2521004994	Nguyễn Anh	Kiệt	TH_25DTC02	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1042	2521005124	Đoàn Thị Kim	Ngân	TH_25DTC14	Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1043	2521001493	Trần Nguyễn Trâm	Anh	TH_25DQT03	Công Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1044	2321001857	Nguyễn Huỳnh Thảo	Ngọc	23DKB01	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1045	2321004288	Bùi Thị Kim	Tuyền	23DLH01	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	1.106.400	
1046	2421001396	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	24DHQ	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1047	2421001595	Nguyễn Thành	Quyên	24DTC2	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1048	2421003080	Lê Huỳnh Đăng	Quang	TH_24DMA03	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1049	2421003799	Nguyễn Thị Trúc	Mai	TH_24DNH01	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1050	2521004991	Nguyễn Minh	Khuê	TH_25DTC02	Diên Điện	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1051	2321000447	Trần Lý Gia	Hân	23DBH1	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1052	2321000084	Lại Kiều Hoa	Mai	23DTA02	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
1053	2321000101	Trương Bảo	Ngân	23DTA02	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
1054	2421001620	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	24DHQ	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.281.000	
1055	2421000897	Hồ Việt	Thành	24DMC	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1056	2421000960	Lê Trần Diễm	Vy	24DMC	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1057	2421001234	Lê Khả	Thư	24DTM1	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1058	2421002082	Nguyễn Trần Minh	Huy	24DTH	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.600	
1059	2221003647	Đặng Xuân	Thành	CLC_22DNH01	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	402.900	
1060	2321001114	Nguyễn Đình	Việt	TH_23DQT01	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	2.235.600	
1061	2421002908	Nguyễn Tấn	Huy	TH_24DMC03	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	1.772.900	
1062	2421003876	Nguyễn Phi	Nhiên	TH_24DTC03	Diên Khánh	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1063	2421001464	Ngô Huyền	Linh	24DTC2	Diên Lạc	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1064	2521001443	Nguyễn Ngọc Ý	Vy	25DQN01	Diên Lạc	Tỉnh Khánh Hòa	1.358.500	
1065	2421001260	Vũ Thị Mỹ	Trình	24DTM1	Diên Lâm	Tỉnh Khánh Hòa	1.451.800	
1066	2321000135	Hoàng Nhật	Quỳnh	23DTA03	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	1.248.100	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1067	2321000358	Trần Tấn Đức	Tài	23DTL01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	1.161.000	
1068	2521000594	Huỳnh Phạm Như	Thạch	25DEM01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1069	2521000936	Trần Bảo Yến	Hưng	25DLD01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	1.163.500	
1070	2521000451	Phạm Hoàng Quỳnh Như		25DTL01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	805.500	
1071	2521000466	Phạm Hoàng Như	Quỳnh	25DTL01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	805.500	
1072	2521006976	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Ngân	IP_25DKQ01	Diên Thọ	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1073	2421001114	Nguyễn Mỹ	Khuyên	24UTM1	Đại Lãnh	Tỉnh Khánh Hòa	1.366.400	
1074	2521000858	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25DHT02	Đại Lãnh	Tỉnh Khánh Hòa	1.342.500	
1075	2321000360	Trương Văn	Thanh	23DTL02	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1076	2421001782	Nguyễn Đặng Yến	Bình	24DPT01	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1077	2521000479	Đào Thập Mai	Thuyết	25DTL02	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1078	2521005931	Phạm Thị Phương	Linh	TH_25DPT01	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
1079	2521002342	Lê Võ Hạ	An	TH_25DMA03	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1080	2521002687	Điền Hoà Gia	Kiệt	TH_25DMA16	Đô Vinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1081	2421001412	Bùi Thị Thu	Hương	24DNH1	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1082	2421003600	Hồ Ngọc Phương	Trình	TH_24DTM02	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1083	2521005873	Phạm Thùy	Dung	TH_25DPT03	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1084	2521003449	Nguyễn Huỳnh Hạ	Vy	TH_25DMA19	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1085	2521005095	Nguyễn Đình Hà	My	TH_25DTC01	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1086	2521004766	Nguyễn Thị Kim	Chi	TH_25DTC11	Đồng Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1087	2421004155	Trịnh Thị Thảo	Nguyễn	TH_24DKT02	Đồng Khánh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	2.459.400	
1088	2321003685	Nguyễn Ngọc Ái	Mỹ	23DAC2	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	942.400	
1089	2321002813	Ngô Thị Mỹ	Hương	23DVC3	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1090	2421001303	Lê Nguyễn Mai	Anh	24DNH1	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1091	2421000311	Võ Thị Yến	Nhi	24DTL01	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	999.400	
1092	2421003877	Nguyễn Thị Hà	Nhiên	TH_24DHQ01	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1093	2521002606	Trương Trí	Hiệp	TH_25DMA15	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1094	2521005587	Phan Đỗ Đình	Tĩnh	TH_25DTC21	Đồng Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1095	2321001767	Nguyễn Hữu	Trí	TH_23DMC06	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1096	2421003633	Đỗ Thanh	Vy	TH_24DTM04	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1097	2521006240	Trương Lê Phương	Nhi	TH_25DKT02	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1098	2521001820	Trương Diễm	My	TH_25DQT13	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1099	2521004834	Tô Đàm Mỹ	Duyên	TH_25DTC01	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1100	2521005680	Trần Thị Tú	Trình	TH_25DTC01	Hòa Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1101	2521003415	Vũ Thị Thuý	Vân	TH_25DMA11	Hòa Trí	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1102	2521006038	Nguyễn Thanh	Trúc	TH_25DTC01	Khánh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1103	2521006304	Nguyễn Minh	Thư	TH_25DKT05	Khánh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1104	2421002100	Nguyễn Hà Thanh	Ngọc	24DIH	Khánh Vĩnh	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1105	2521006270	Bùi Thị Nguyệt	Quỳnh	TH_25DKT04	Khánh Vĩnh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1106	2321001973	Trần Thị Ngọc	Ánh	23DLG1	Lâm Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.197.300	
1107	2321003194	Phan Thị Nhật	Vy	23DNH2	Lâm Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1108	2421001289	Lê Thị Như	Ý	24DLG	Lâm Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1109	2421003471	Mai Thị Yền	Nhi	TH_24DTM04	Lâm Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1110	2521004007	Nguyễn Vũ Khánh	Ngân	TH_25DKQ15	Lâm Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1111	2421002249	Nguyễn Lê Linh	Duyên	24DLH01	Mỹ Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.639.800	
1112	2321002826	Trần Thị Kim	Khoa	23DNH1	Nam Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1113	2421004185	Ngô Minh Thu	Thảo	TH_24DKT01	Nam Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1114	2521005759	Đặng Hoài	Vy	TH_25DTC06	Nam Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1115	2421004173	Phạm Như	Quỳnh	TH_24DKT02	Nam Ninh Hoà	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1116	2521000926	Đào Thị Mỹ	Duyên	25DLD01	Nam Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.163.500	
1117	2321000234	Nguyễn Nguyễn Khánh	Huyền	23DEM02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1118	2321001860	Nguyễn Minh Khôi	Nguyễn	23DKB01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.286.800	
1119	2321001910	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	23DKB02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1120	2321001208	Phạm Ai	Linh	23DMC1	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1121	2321004432	Bùi Phạm Khánh	Ly	23DQN01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.014.200	
1122	2321000083	Lữ Tây Thanh	Mai	23DTA01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
1123	2321004038	Phạm Phương	Nghĩ	23DTK	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	851.400	
1124	2421000445	Nguyễn Quốc Nhật	Hoan	24DBH2	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.768.000	
1125	2421000258	Nguyễn Bảo	Trần	24DEM01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1126	2421001772	Đàm Lê Phương	Anh	24DFT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1127	2421001715	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	24DHQ	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1128	2421000622	Nguyễn Việt	Thắng	24DQT2	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1129	2421000037	Trần Khánh	Đoan	24DTA02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.183.500	
1130	2521001114	Nguyễn Võ Thị Bích	Uyên	25DQ501	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1131	2521000683	Trần Mỹ	Linh	25DKB01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1132	2421004315	Nguyễn Lê Duy	Thịnh	IP_24DMA01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.324.600	
1133	2421004321	Nguyễn Thị Kim	Viên	IP_24DMA01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.324.600	
1134	2421004256	Hoàng Bảo	Ngọc	IP_24DQT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.504.600	
1135	2521006770	Phạm Thị Như	Quỳnh	IP_25DMA02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.278.900	
1136	2321003854	Lê Diệp Bảo	Long	TH_23DKT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.076.400	
1137	2321002258	Phạm Hoàng Minh	Châu	TH_23DLG04	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.178.900	
1138	2321001662	Lê Thu	Phương	TH_23DMA01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1139	2321001440	Phạm Thị Thanh	Bình	TH_23DMC04	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1140	2321003386	Đỗ Huỳnh Bảo	Ngọc	TH_23DNH02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1141	2321001070	Bùi Ngọc	Trâm	TH_23DQT02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1142	2421004109	Phạm Trương Thục	Hiền	TH_24DKT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1143	2421003259	Đinh Nguyễn Hoàng Kim	Anh	TH_24DLG01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.459.400	
1144	2421002921	Bùi Vũ Yến	Khanh	TH_24DMA03	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1145	2421002952	Phạm Hải	Linh	TH_24DMA03	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1146	2421002832	Nguyễn Thị Minh	Anh	TH_24DMC03	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.175.800	
1147	2421002583	Võ Nguyễn Duyên	Duyên	TH_24DQT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.184.900	
1148	2421004005	Ngô Hải	Trang	TH_24DTC05	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1149	2421003386	Nguyễn Thị Thùy	Linh	TH_24DTM02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.644.600	
1150	2421003472	Nguyễn Hoài Vân	Nhi	TH_24DTM03	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1151	2521006016	Điểm Phụng Mỹ	Thục	TH_25DFT02	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1152	2521005880	Lê Mỹ	Duyên	TH_25DFT04	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1153	2521003989	Mai Phương	Ngân	TH_25DKQ06	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.148.800	
1154	2521006285	Nguyễn Lê Duy	Thảo	TH_25DKT01	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1155	2521001709	Trần Hồ Đăng	Khôi	TH_25DQT09	Nam Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1156	2221000505	Lê	Khánh	22DBH2	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	358.200	
1157	2321001842	Mai Thị Ngọc	Mẫn	23DKB02	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1158	2321001310	Nguyễn Anh	Thư	23DMC2	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1159	2321003038	Hồ Thị Thanh	Thảo	23DTC2	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1160	2321004051	Lâm Yến	Nhi	23DTH3	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	1.197.300	
1161	2421001153	Dương Hồng	Ngọc	24DTM1	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	1.537.200	
1162	2321000818	Trần Thị Hồng	Hạnh	TH_23DBH01	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1163	2421003971	Trình Ngọc Anh	Thư	TH_24DNH01	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	2.325.100	
1164	2421003895	Võ Thành	Phú	TH_24DTC02	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1165	2521004358	Trần Nguyễn Anh	Thư	TH_25DKQ21	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1166	2521002988	Bùi Trương Lam	Như	TH_25DMA21	Ninh Chữ	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1167	2321002006	Nguyễn Phạm Phương	Hoa	23DTM	Ninh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1168	2321002065	Nguyễn Thị Ngọc	Nhân	23DTM	Ninh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.185.000	
1169	2421002944	Lê Hoàng Phương	Linh	TH_24DMC02	Ninh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1170	2321000580	Nguyễn Trọng	Phước	23DBH1	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1171	2321004303	Lê Ngọc Bội	Dung	23DKS02	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.014.200	
1172	2321002064	Lương Thảo	Nhân	23DLG1	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1173	2321000098	Châu Thị Kim	Ngân	23DTAB3	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
1174	2321002973	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	23DTC2	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1175	2421001726	Nguyễn Vũ	Ty	TN_24DTC01	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1176	2421003399	Nguyễn Xuân Nữ Khánh	Ly	TH_24DKQ01	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.325.100	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1177	2421003019	Nguyễn Hoài Thảo	Nguyễn	TH_24DMC03	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1178	2421002930	Nguyễn Đăng	Khôi	TH_24DMC05	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.453.400	
1179	2521002620	Dương Thị Thanh	Hồng	TH_25DMA14	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1180	2521002646	Ngô Khánh Kim	Huy	TH_25DMA21	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1181	2521005406	Trần Đặng Trúc	Quyên	TH_25DTC16	Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1182	2321004504	Đào Thành Hoài	Thương	23DMC1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1183	2321004499	Kiểu Nhựt	Hạ	23DQH	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1184	2421000681	Trương Hoàng Bảo	Trần	24DBH1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1185	2421004373	Quảng Ngọc Linh	Phương	24DMC	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1186	2421001460	Nguyễn Thị Ngọc	Liêm	24DNH1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1187	2421001653	Trần Thị Anh	Thư	24DNH1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1188	2421001445	Đồng Dương Chí	Khoa	24DNE2	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1189	2421001346	Trần Thị Ngọc	Diễm	24DTC1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1190	2421001623	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24DTC1	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1191	2521001116	Nguyễn Đỗ Quang	Vinh	25DGS01	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1192	2521007198	Châu Khả Ái	Nga	25DEC01	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1193	2521007199	Châu Khả Ái	Ngân	25DEC01	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1194	2521003863	Phạm Đỗ Thanh	Lam	TH_25DKQ10	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1195	2521001854	Phạm Hoàng Gia	Nghi	TH_25DQT06	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1196	2521005294	Trần Dương Bảo	Nhiên	TH_25DTC02	Ninh Phước	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1197	2321002103	Ngô Diễm	Quỳnh	23DTM	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	965.100	
1198	2321004067	Lê Hoàng Mỹ	Quyên	23UTH1	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1199	2421001442	Võ Nguyễn	Khang	24DNH1	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1200	2421001617	Hoàng Thanh	Thảo	24DNH1	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1201	2521000030	Hồ Ngọc Quỳnh	Chi	25DTA03	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.183.000	
1202	2521006760	Nguyễn Lam	Phương	IP_25DMA03	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1203	2321001580	Nguyễn Ngọc	Minh	TH_23DMC04	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1204	2421003042	Trương Ngọc Yến	Nhi	TH_24DMC04	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.916.200	
1205	2421003718	Trương Thanh	Hằng	TH_24DTC03	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1206	2521006036	Nguyễn Thị Phương	Trình	TH_25DPT02	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.669.200	
1207	2521003687	Lê Hương	Giang	TH_25DKQ03	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1208	2521004115	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	TH_25DKQ04	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1209	2521005254	Huỳnh Phương Uyên	Nhi	TH_25DTC03	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1210	2521005811	Võ Ngọc Như	Ý	TH_25DTC04	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1211	2521004819	Hoàng	Duy	TH_25DTC23	Ninh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1212	2221004462	Nguyễn Trần Tâm	Hiền	22DLH01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	104.500	
1213	2321000279	Lê Minh	Thông	23DEM01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1214	2321004314	Mai Nguyễn Gia	Hân	23DKS02	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.014.200	
1215	2321000325	Phan Hy	Khanh	23DTL01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.396.200	
1216	2421000984	Lê Huy	Hoàng	24DKB01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.293.300	
1217	2421000758	Lê Kim Ngọc	Châu	24DMA	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1218	2421002438	Nguyễn Phương Bảo	Hân	24DQN01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.535.300	
1219	2421000385	Nguyễn Trần Khánh	Chi	24DQT1	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1220	2421000111	Lê Phùng Ái	Nhiên	24DTA01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.595.800	
1221	2421001431	Phạm Thanh	Huyền	24DTC1	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1222	2421001674	Phạm Quốc	Tiến	24DTC1	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1223	2421001307	Nguyễn Lan	Anh	24DTC2	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1224	2421001705	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	24DTC2	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.708.000	
1225	2421001274	Nguyễn Ngọc Thu	Uyên	24DTM1	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1226	2421002144	Trần Ngọc Khánh	Vy	24DTH	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1227	2521000416	Lê Châu	Kỳ	25DTL01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1228	2321002212	Nguyễn Hoàng	Vy	IP_23DKQ01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.515.500	
1229	2421004247	Nguyễn Hoàng	Lê	IP_24DQT01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	3.410.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1230	2521006899	Nguyễn Vũ Khánh	Hà	ĐP_25DKQ02	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.278.900	
1231	2521007127	Phan Nhật	Linh	ĐP_25DTC01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1232	2321002333	Hoàng Thái Khánh	Huyền	TH_23DLG03	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.832.700	
1233	2321002601	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	TH_23DLG04	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.481.075	
1234	2321001492	Dương Gia	Hân	TH_23DMC02	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1235	2321000814	Quách Kiều	Giang	TH_21DQT02	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1236	2321001025	Nguyễn Thanh	Thảo	TH_23DQT07	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1237	2321003489	Lê Nguyễn Anh	Thư	TH_23DTC01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1238	2421003991	Phạm Thảo Huyền	Trâm	TH_24DHQ01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1239	2421002817	Bùi Phương Ngọc	Anh	TH_24DMA01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1240	2421003781	Dương Thị Kiều	Linh	TH_24DTC01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1241	2421003835	Trần Quỳnh	Nghi	TH_24DTC01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1242	2421003725	Trần Nguyễn Minh	Hiếu	TH_24DTC02	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1243	2521003665	Phạm Thị Ánh	Dương	TH_25DKQ04	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1244	2521003933	Hồ Ngọc Phương	Minh	TH_25DKQ07	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1245	2521003399	Phạm Nhật Phương	Uyên	TH_25DMA04	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1246	2521002435	Đặng Hoàng Bảo	Châu	TH_25DMA09	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1247	2521005223	Phạm Lê Khánh	Nguyễn	TH_25DTC01	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1248	2521004814	Nguyễn Trí	Dũng	TH_25DTC04	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1249	2521005782	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	TH_25DTC06	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1250	2521005008	Lâm Ngọc	Lan	TH_25DTC07	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1251	2521004672	Trương Kiều Thúy	An	TH_25DTC14	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1252	2221002024	Lê Huỳnh Nhật	Nghĩa	22DQT4	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	738.675	
1253	2321001197	Sử Trạch	Khang	23DMC1	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1254	2321002968	Phạm Ngọc Yến	Nhung	23DNH2	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.429.500	
1255	2321003116	Hồ Nguyễn Uyên	Trần	21DNH2	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1256	2421002269	Nguyễn Ngọc	Nhi	24DLH01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.535.300	
1257	2421000959	Lê Thị Tường	Vy	24DQH	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1258	2521000838	Nguyễn Trần	Nhi	25DHT01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1259	2521001270	Lê Ngọc Yến	Nhã	25DKS01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.254.000	
1260	2521006601	Nguyễn Quốc	Việt	IP_23DQT01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	2.629.500	
1261	2421002771	Võ Mỹ Thanh	Trà	TH_24DBH01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	2.734.000	
1262	2421003654	Trần Võ Hải	Yến	TH_24DKQ01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1263	2521002264	Phan Nguyễn Ngọc	Tuyền	TH_23DQT03	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1264	2521004655	Phạm Nguyễn Diệu	Ái	TH_25DTC01	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1265	2421001574	Lương Ngọc	Phấn	24DTC1	Phước Dinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.426.400	
1266	2321003282	Mai Thị Như	Hảo	TH_23DTC02	Phước Dinh	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1267	2321001147	Quảng Hoàng	Anh	23DQH	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1268	2421004379	Dương Thị Ngọc	Trâm	24DKT	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.600	
1269	2521003270	Lý Quỳnh	Trâm	TH_25DMA07	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1270	2521002500	Thiên Hoàng	Dũng	TH_25DMA22	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1271	2421004376	Quảng Thị Hồng	Vân	24DKS01	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	1.535.300	
1272	2421004371	Trương Nữ Thảo	Nguyễn	24DMC	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1273	2421004370	Thập Nữ Thùy	Linh	24DNH2	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	1.059.400	
1274	2521007200	Trương Ngọc Hồng	Thoại	25DEC01	Phước Hậu	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1275	2321000508	Nguyễn Thị Xuân	Mai	23DBH2	Suối Dầu	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1276	2521002283	Huỳnh Kim	Vân	TH_25DQT14	Suối Dầu	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1277	2321002927	Cù Thị Bích	Ngọc	23DHQ	Suối Hiệp	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1278	2321001251	Nguyễn Bùi Yến	Nhi	23DMC1	Suối Hiệp	Tỉnh Khánh Hòa	696.600	
1279	2421001928	Nguyễn Bá	Đạt	24DAC	Suối Hiệp	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1280	2521000763	Nguyễn Trần Tuyết	Vy	25DKB01	Suối Hiệp	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1281	2521001766	Trần Hoàng Gia	Linh	TH_25DQT10	Suối Hiệp	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1282	2521000989	Võ Thị Ngọc	Thắm	25DLĐ01	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	1.253.000	
1283	2321000914	Nguyễn Trầm Hạo	Nam	TH_23DQT04	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	2.044.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1284	2321001077	Trần Thị Ngọc	Trâm	TH_23DQT07	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1285	2321002557	Bùi Anh	Thư	TH_23DTM03	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	1.910.300	
1286	2421003948	Ngô Thị Anh	Thi	TH_24DHQ01	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1287	2421003367	Nguyễn Lê Bảo	Khánh	TH_24DTG03	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1288	2521004179	Bùi Ngọc Diễm	Phúc	TH_25DKQ21	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1289	2521002752	Nguyễn Lê Gia	Long	TH_25DMA20	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1290	2521005070	Trần Huyền Khánh	Ly	TH_25DTIC11	Tân Định	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1291	2521004856	Nguyễn Lê Nhật	Hạ	TH_25DTC16	Tây Khánh Sơn	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1292	2421000904	Mai Trần Phương	Thảo	24DMA	Tây Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1293	2321000476	Nguyễn Minh	Khánh	23DQT1	Tây Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1294	2421002665	Lâm Thúy	Ngân	TH_24DQT02	Tây Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.038.500	
1295	2421003814	Phùng Tuấn	Mỹ	TH_24DTC04	Tây Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1296	2521005370	Nguyễn Thảo	Phuong	TH_25DTC16	Tây Ninh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1297	2321000518	Đoàn Bảo	Ngân	23DBH2	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1298	2321004222	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	23DLH02	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.446.025	
1299	2321000102	Võ Thị Khánh	Ngân	23DTA04	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.006.600	
1300	2421001719	Lê Nguyễn Cát	Tường	24DHQ	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1301	2421000798	Phạm Sông	Hương	24DQH	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1302	2421002447	Nguyễn Minh	Khuê	24DQN01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.430.800	
1303	2421000175	Cao Diệp Thảo	Vy	24DTA02	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.127.000	
1304	2421001453	Nguyễn Ánh	Kiều	24DTC1	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1305	2421001288	Võ Lê Uyên	Vy	24DTM1	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1306	2221004091	Mai Xuân	Tinh	CLC_22DKT02	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.124.225	
1307	2421004331	Lê Phương	Du	IP_24DKQ01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.504.600	
1308	2421004364	Võ Đức Minh	Trí	IP_24DKQ01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.504.600	
1309	2421004275	Quách Đại	Vĩ	IP_24DQT01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.504.600	
1310	2521006823	Lê Kim Minh	Triết	IP_25DMA02	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1311	2521006470	Đinh Đức	An	IP_25DQT01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1312	2521007105	Trần Lê Nhật	Duy	IP_23DTC01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	3.692.100	
1313	2421001579	Phạm Tiến	Phúc	TN_24DTC01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1314	2321003844	Võ Trọng	Khoa	TH_23DKT01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.354.000	
1315	2321001125	Nguyễn Nhật Tuông	Vy	TH_23DQT04	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1316	2421004105	Trần Phương	Hân	TH_24DKT04	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1317	2421002933	Lưu Vinh Hoàng	Kiệt	TH_24DMA03	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.644.600	
1318	2421002986	Phạm Thị Kim	Ngân	TH_24DMCX5	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.781.900	
1319	2421003851	Nguyễn Mai Thảo	Nguyễn	TH_24DNH01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1320	2421002677	Tô Hồng	Ngọc	TH_24DQT01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1321	2421002738	Võ Anh	Tấn	TH_24DQT01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.922.200	
1322	2421004034	Nguyễn Ngọc Hải	Vi	TH_24DTC01	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1323	2421004033	Từ Ngọc Mỹ	Vân	TH_24DTC03	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	2.056.500	
1324	2521005847	Trần Ngọc Vân	Anh	TH_25DFT02	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.540.800	
1325	2521004016	Đặng Phương	Nghi	TH_25DKQ10	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1326	2521006175	Võ Lê Thiên	Long	TH_25DKT04	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1327	2521005077	Ngô Ngọc	Mai	TH_25DTC19	Tây Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1328	2321003780	Trần Huế	Văn	21DKT	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.800	
1329	2321003057	Trần Thị Kim	Thông	21DTX	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1330	2521005111	Phan Ngọc Ni	Na	TN_25DTC01	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1331	2321002530	Phan Ngọc Thiên	Thanh	TH_23DLG02	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	2.050.600	
1332	2421002800	Huỳnh Hạ	Uyển	TH_24DQT05	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	2.190.800	
1333	2521002959	Huỳnh Kim	Nhi	TH_25DMA02	Tu Bồng	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1334	2421000512	Trần Thu	Lượng	24DBH1	Thuận Bắc	Tỉnh Khánh Hòa	939.400	
1335	2521000867	Nguyễn Thị Minh	Thư	25DHT02	Thuận Bắc	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1336	2221004906	Đàng Thị Bạch	Tuyết	22DTC3	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.600	
1337	2421002021	Lê Nguyễn Anh	Thi	24DAC	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1338	2421002032	Nguyễn Ngọc Minh	Thương	24DKT	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2026) (đ)	Ghi chú
1339	2421004381	Từ Nữ Mỹ	Ngọc	24DMC	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1340	2421004375	Trương Khánh	Thơ	24DMC	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1341	2421004377	Lưu Thị Tường	Vy	24DMC	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	1.315.600	
1342	2521002445	Cao Thị Kim	Chi	TH_25DMA06	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1343	2521007202	Báo Thị Thiên	Ly	TH_25DTC21	Thuận Nam	Tỉnh Khánh Hòa	2.148.800	
1344	2321000622	Phạm Hồ Thanh	Thiện	23DBH2	Vạn Hưng	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1345	2321000574	Nguyễn Ngọc Vân	Phong	23DDA	Vạn Hưng	Tỉnh Khánh Hòa	983.500	
1346	2521001080	Phan Toàn	Năng	25DOS91	Vạn Hưng	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1347	2321003129	Nguyễn Hữu	Trí	23DIHQ	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	1.038.200	
1348	2321001880	Lê Phan Trúc	Quỳnh	23DKB01	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	965.100	
1349	2421001803	Cao Văn	Hiếu	24DFT01	vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	1.195.600	
1350	2521000403	Đặng Thị Diệu	Hiền	25DYL02	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	1.074.000	
1351	2221003522	Trần Thiết	Kỳ	CLC_22DTC04	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	805.800	
1352	2521006626	Nguyễn Hàn Vi	Bảo	IP_25DMA03	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1353	2521006702	Trương Trần Khánh Linh		IP_25DMA04	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	2.804.800	
1354	2521003984	Lâm Phú Tường	Ngân	TH_25DKQ21	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1355	2521002669	Đoàn Võ Ngân	Khánh	TH_25DMA06	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1356	2521005582	Mai Thành	Tiến	TH_25DTC16	Vạn Ninh	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1357	2221002033	Lê Nguyễn Khánh	Như	22DIA04	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.131.925	
1358	2321002720	Phạm Nguyễn Anh	Duy	23DNH1	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	928.800	
1359	2321002011	Lê Gia	Huệ	23DTM	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.352.100	
1360	2521004090	Bùi Ngọc Yến	Nhi	TH_25DKQ19	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1361	2521002653	Nguyễn Thị Nhật	Huyền	TH_25DMA11	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1362	2521001779	Phạm Thị Hồng	Luyến	TH_25DQT12	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.611.600	
1363	2521002230	Nguyễn Diệp	Trình	TH_25DQT12	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1364	2521005597	Nguyễn Ngọc	Trâm	TH_25DTC13	Vạn Thắng	Tỉnh Khánh Hòa	2.014.500	
1365	2321003750	Võ Ngọc	Thảo	23DAC2	Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.083.600	
1366	2421002041	Trà Thị Ngọc	Trâm	24DAC	Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.682.600	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Phường/Xã	Tỉnh	Số tiền hỗ trợ (10% học phí học kỳ 1/2024) (đ)	Ghi chú
1367	2421001227	Trần Thị Cẩm	Thu	24DTM2	Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.255.600	
1368	2321003346	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	TH_23DTC01	Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.776.000	
1369	2521004128	Phan Thái Trà	Nhi	TH_25DKQ10	Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1370	2221004179	Võ Thị	Hiệp	22DTK1	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	537.000	
1371	2421002328	Tài Nữ Linh	Chi	24DKS01	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.430.800	
1372	2421002500	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	24DQN01	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.430.800	
1373	2521000329	Nguyễn Thanh Anh	Thư	25DEC01	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.163.500	
1374	2521001242	Lê Hoàng Khánh	Hân	25DKS01	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.254.000	
1375	2521000238	Nguyễn Ngọc Tú	Uyên	25DTA01	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.183.000	
1376	2521004023	Nguyễn Tịnh	Nghi	TH_25DKQ09	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.745.900	
1377	2521002464	Nguyễn Hoàng Thảo	Đan	TH_25DMA02	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
1378	2521003390	Bùi Hoàng Khánh	Uyên	TH_25DMA21	Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	1.880.200	
	Tổng	1378 sinh viên					2.149.035.820	

Bằng chữ: Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi đồng./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

PTP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thái Thị Lan Anh



Nguyễn Lai Dương Phong



Đinh Thị Lê



Cao Tấn Huy

